



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 87

Ngày 25 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

08/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 588/NQ-HĐND thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, giải quyết từ Kỳ họp thứ 11 đến Kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	3
08/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 589/NQ-HĐND thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đối với nội dung sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và việc thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng nguồn vốn ngoài ngân sách	5
09/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 590/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030.	9
09/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 591/NQ-HĐND về kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2026-2030.	28
09/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 592/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.	37
09/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 593/NQ-HĐND về việc điều chỉnh nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh thông qua đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045.	49

09/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 594/NQ-HĐND về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2026	62
09/12/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 595/NQ-HĐND về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026.	73

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 588/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh
đã xem xét, giải quyết từ Kỳ họp thứ 11 đến Kỳ họp thứ 12,
HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 126/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh về ban hành Quy chế làm việc của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 134/TTr-TTHĐND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua 04 nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét giải quyết từ Kỳ họp thứ 11 đến Kỳ họp thứ 12, HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
ĐÃ XEM XÉT, GIẢI QUYẾT GIỮA HAI KỲ HỌP**

(Kèm theo Nghị quyết số 588/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Số văn bản của Thường trực HĐND tỉnh	
1	Tờ trình số 547/TTr-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh tỉnh về việc phê duyệt phương án phân bổ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 cho các xã thực hiện khắc phục hậu quả mưa lũ	Công văn số 1525/TTHĐND	08/9/2025
2	Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 ngày 25/9/2025 của bà Tráng Thị Xuân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	Nghị quyết số 382/NQ-TTHĐND	25/9/2025
3	Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 ngày 01/11/2025 của ông Nguyễn Thái Hưng - Đại biểu HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, nhiệm kỳ 2021-2026	Nghị quyết số 396/NQ-TTHĐND	06/11/2025
4	Đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 ngày 20/10/2025 của ông Hoàng Quốc Khánh - Đại biểu HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026, nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Sơn La	Nghị quyết số 397/NQ-TTHĐND	06/11/2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 589/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và việc thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 523/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát năm 2026 của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 132/TTr-TTHĐND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách, thành phần gồm:

1. Ông Lò Minh Hùng - Chủ tịch HĐND tỉnh làm Trưởng đoàn.
2. Ông Vi Đức Thọ - Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh làm Phó Trưởng đoàn.
3. Ông Nguyễn Việt Cường - Phó Chủ tịch HĐND tỉnh làm Phó Trưởng đoàn.
4. Các thành viên, đại biểu mời tham gia Đoàn giám sát do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng, nội dung giám sát

1. Phạm vi giám sát

Tình hình và kết quả thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách.

2. Đối tượng giám sát

UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND một số xã, phường do Đoàn giám sát quyết định.

3. Nội dung giám sát

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập đối với việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách; đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Đoàn giám sát xây dựng đề cương giám sát và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp tháng 11 tháng 2026, báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Ban Kinh tế - Ngân sách chủ trì tham mưu cho Đoàn giám sát về vấn đề liên quan đến nội dung giám sát.

4. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh chủ trì tham mưu, phục vụ Đoàn giám sát về chương trình, kế hoạch, công tác đảm bảo các hoạt động của Đoàn giám sát theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Thường trực HĐND tỉnh, Đoàn giám sát, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và việc thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng nguồn vốn ngoài ngân sách
(Kèm theo Nghị quyết số 589/NQ-HĐND ngày 08/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Thực hiện Chương trình giám sát năm 2026, HĐND tỉnh ban hành Kế hoạch giám sát tình hình và kết quả thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập đối với việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; đề xuất, kiến nghị giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Hoạt động giám sát phải được thực hiện nghiêm túc, đúng thời gian và tiến độ, bảo đảm khách quan, trung thực, đúng quy định của pháp luật; phản ánh chính xác những kết quả đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế và có kiến nghị phù hợp với thực tiễn và pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu sự giám sát thực hiện nghiêm túc kế hoạch giám sát; kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Đoàn giám sát; bố trí địa điểm và phân công cán bộ có thẩm quyền, trách nhiệm làm việc với Đoàn giám sát.

II. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả đạt được trong thực hiện và triển khai chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá hạn chế, bất cập, khó khăn, vướng mắc, tồn tại hạn chế và nguyên nhân.

4. Đề xuất, kiến nghị giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

5. Mốc thời gian báo cáo:

(1) Về thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy, mốc báo cáo từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 01 tháng 7 năm 2026.

(2) Về thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết năm 2025.

III. PHƯƠNG THỨC GIÁM SÁT

Đoàn giám sát thực hiện giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

1. Yêu cầu UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã, phường gửi báo cáo.

2. Tổ chức giám sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị: các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, UBND một số xã, phường (theo Thông báo của Đoàn giám sát) và làm việc với UBND tỉnh để thống nhất các nội dung sau giám sát.

3. Tổng hợp, nghiên cứu, đánh giá các báo cáo của UBND tỉnh, các cơ quan chịu sự giám sát.

4. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 trong việc thực hiện sắp xếp tài sản nhà, đất sau sắp xếp tinh gọn bộ máy và thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh *(nếu xét thấy cần thiết)*.

IV. THỜI GIAN GIÁM SÁT

Đoàn giám sát quyết định thời gian giám sát cụ thể, trường hợp thay đổi thời gian giám sát có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, đơn vị *(Dự kiến trong quý III năm 2026)*./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 590/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Xét Tờ trình số 763/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030

1.1. Mục tiêu

Phát huy tiềm năng, lợi thế, truyền thống đoàn kết, bản sắc văn hóa các dân tộc; tiếp tục đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số. Phát triển nhanh, bền vững, lấy nông nghiệp hàng hóa công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản là trung tâm, gắn kết với du lịch sinh thái, văn hóa; nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng tỉnh Sơn La trở thành tỉnh phát triển khá, trung tâm kinh tế - xã hội của tiểu vùng Tây Bắc, trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; trọng điểm du lịch của vùng Trung du, miền núi phía Bắc và vùng biên giới Việt Nam - Lào.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026 - 2030: 25 chỉ tiêu (có Biểu chi tiết kèm theo).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Phát triển kinh tế xanh, nhanh, bền vững

2.1.1. Tiếp tục cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển đồng bộ và tạo sự liên kết giữa các thành phần kinh tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển theo định hướng tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Tiếp tục phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ theo hướng hiện đại, dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đẩy mạnh chuyển đổi số, kinh tế số, công dân số, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao

động sang những ngành, lĩnh vực có năng suất và hiệu quả cao, gắn tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực với phát huy lợi thế của từng địa phương và tiếp cận với nhu cầu thị trường; gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Cải thiện các điều kiện để tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế liên kết cùng phát triển.

2.1.2. Tập trung xây dựng hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực, vùng khó khăn của tỉnh. Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, xây dựng phát triển chính quyền điện tử; nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế. Chủ động triển khai các hoạt động đẩy mạnh liên kết vùng, nhất là với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc; phối hợp với các tỉnh xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông cấp vùng, hợp tác phát triển thương mại, du lịch, xuất khẩu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ; hình thành các chuỗi giá trị, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương cùng phát triển.

2.1.3. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và kinh tế nông thôn bền vững, bảo đảm an ninh lương thực, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững

Cơ cấu lại nông nghiệp thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên canh hàng hoá tập trung, quy mô lớn, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ để có sản phẩm nông nghiệp sạch, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đặc biệt là đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế phục vụ xuất khẩu. Phát triển nền nông nghiệp đa dạng sinh học, xây dựng nền nông nghiệp đặc sản tạo nên sự khác biệt gắn với chuỗi ẩm thực của tỉnh và phát triển du lịch. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Đề án xây dựng Sơn La thành Trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp vùng Tây Bắc; Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn.

Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu thị trường và đạt chuẩn VietGAP. Từng bước chuyển đổi cơ chế quản lý vận hành công trình thủy lợi và dịch vụ thủy lợi theo cơ chế thị trường, gắn lợi ích với quyền lợi và trách nhiệm của người quản lý vận hành, người dùng nước. Ưu

tiên phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh, phục vụ tưới cây ăn quả, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung. Ứng dụng công nghệ tiên tiến tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước. Thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư, bảo vệ, phát triển rừng; chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững; chú trọng đẩy mạnh phát triển các dự án trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phấn đấu trồng rừng mới tập trung mỗi năm khoảng 2.000 ha.

Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hoá truyền thống. Nâng cao hiệu quả đầu tư, tích hợp một số chương trình đầu tư đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

2.1.4. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp bền vững, trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Phát triển ngành công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường, phát triển công nghiệp sinh học, phát triển công nghiệp mũi nhọn, có lợi thế về tài nguyên như chế biến nông, lâm, sản; năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và phát thải carbon thấp; khai khoáng và chế biến khoáng sản; các ngành có lợi thế về thị trường, lao động như dệt may, da giày. Đồng thời, tập trung hoàn thiện hạ tầng, thu hút đầu tư các khu, cụm công nghiệp. Huy động các nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường, ứng dụng khoa học - công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Tập trung chuẩn bị các điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Sơn La thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp¹.

2.1.5. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

Tiếp tục thu hút đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý hạ tầng thương mại. Tiếp tục nâng cao chất lượng các chương trình, sự kiện xúc tiến thương mại, đẩy mạnh hỗ trợ phát triển thương mại điện tử. Tăng cường tổ chức các hoạt động kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp sản xuất, chế biến trong tỉnh và các nhà phân phối đơn vị xuất, nhập khẩu phục vụ hỗ trợ doanh nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

¹ Theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và đảm bảo theo quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024.

Phát triển du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm với phương châm “*Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện, đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường vệ sinh sạch, đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện*”. Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ du lịch; hạ tầng giao thông kết nối các khu, điểm du lịch và hạ tầng khác; ưu tiên các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu và hoàn thiện các tiêu chí của khu du lịch vùng lòng hồ thủy điện Sơn La. Phát huy lợi thế của tỉnh về văn hóa và nông nghiệp để phát triển sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, hấp dẫn, trong đó quan tâm, chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu, hình ảnh du lịch Sơn La.

2.1.6. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển gắn với thực hiện cơ cấu lại đầu tư công

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương với các nhà đầu tư trong và ngoài nước; giới thiệu các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch chung đô thị và nông thôn, định hướng sử dụng đất và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

2.1.7. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, tài sản công ngân sách và hoạt động tín dụng, ngân hàng

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách, nhất là thu nội địa theo hướng tích cực, thực hiện chính sách bồi dưỡng nguồn thu ổn định, bền vững; tăng cường khai thác nguồn thu mới, để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó ưu tiên tăng đầu tư xã hội và tạo đà cho bước phát triển các năm tiếp theo; phấn đấu tăng thu ngân sách hàng năm 5% (*không bao gồm các khoản thu ổn định*) so với ước thực hiện năm trước. Giữ cơ cấu hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, bảo đảm chi cho con người, an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước gắn với huy động các nguồn lực xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế, thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tích cực, thúc đẩy thực hành tiết kiệm chống lãng phí, cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Quản lý hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và

đư nợ theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tập trung nguồn vốn đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuộc thể mạnh của tỉnh nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách tín dụng, chú trọng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên như chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức tín dụng, đẩy mạnh phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng. Triển khai công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, đột xuất các tổ chức tín dụng khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, gây khó khăn trong tiếp cận tín dụng hoặc có những vi phạm trong hành động đại lý bán bảo hiểm, trái phiếu... Chỉ đạo, giám sát việc cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu. Thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo an toàn hệ thống công nghệ thông tin, thanh toán điện tử, thanh toán thẻ trên địa bàn.

2.1.8. Tiếp tục khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển

Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; phát huy vai trò của kinh tế tư nhân, xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững. Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao và là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài; phát triển doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước lớn mạnh về quy mô và đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn hoạt động, trong đó ưu tiên phát triển ở những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế; tăng cường liên kết hợp tác với các thành phần kinh tế khác để tạo thành các chuỗi giá trị mang tính bền vững, hiệu quả. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năng động, hiệu quả góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển các mô hình hợp tác xã nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp gắn liền với các sản phẩm ngành nghề nông thôn và sản phẩm chủ lực của tỉnh. Xây dựng các chuỗi liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã theo cụm ngành, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng.

Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực có chất lượng; thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thiểu các thủ tục không cần thiết, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tham gia vào thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới, tự động hóa sản xuất; đầu tư vào nghiên cứu và phát triển để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đào tạo đại học để cung cấp nguồn lao động có trình độ, đáp ứng nhu cầu phát triển của các thành phần kinh tế. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ, công nghệ cao trong sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng thương hiệu sản phẩm; xây dựng mô hình sản xuất

nông, lâm nghiệp, thủy sản theo VietGAP, GlobalGAP; sản xuất nông nghiệp hữu cơ để tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao.

2.1.9. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại

Tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện đặc thù của Tỉnh. Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư toàn xã hội cho phát triển kết cấu hạ tầng, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Xác định phát triển hạ tầng giao thông kết nối là cốt lõi để phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục triển khai các dự án giao thông trọng điểm (*tập trung hoàn thành đưa vào khai thác tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La; tiếp tục kiến nghị đầu tư cao tốc đoạn Mộc Châu - thành phố Sơn La theo hình thức đầu tư công và kêu gọi đầu tư xây dựng Cảng hàng không Nà Sản theo phương thức PPP*); huy động và ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa hệ thống Quốc lộ được phân cấp, đường tỉnh, đường đô thị... theo Quy hoạch tỉnh Sơn La và Đề án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tỉnh Sơn La theo hướng đồng bộ giai đoạn 2026 - 2030² góp phần xóa bỏ các điểm nghẽn, tạo thuận lợi về kết nối giao thông vùng, liên vùng; đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn, trọng tâm là cứng hóa đường đến trung tâm bản gắn với các Chương trình mục tiêu Quốc gia; coi trọng và dành nguồn lực hợp lý để thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì đường bộ. Gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải rắn, nước, khí thải, các công trình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Từng bước xây dựng và phát triển hoàn chỉnh hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững, đảm bảo hài hòa với nông thôn, có sức lan toả, nâng cao chất lượng sống người dân. Ưu tiên sắp xếp và phát triển các đô thị lớn nhằm phát huy vai trò đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường, gắn kết chặt chẽ với các vùng kinh tế động lực của tỉnh; trọng tâm là vùng đô thị dọc Quốc lộ 6 (*thuộc khu vực các phường: Tô Hiệu, Chiềng An, Chiềng Cơi, Chiềng Sinh, khu vực các xã phụ cận và các khu vực phát triển đô thị, định hướng phát triển đô thị thuộc các xã Mai Sơn, Thuận Châu, Yên Châu*); vùng đô thị phía Đông Nam gắn với khu du lịch quốc gia Mộc Châu (*thuộc khu vực các phường Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên, khu vực các xã phụ cận và khu vực định hướng phát triển đô thị thuộc xã Vân Hồ*); vùng đô thị gắn với vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà (*thuộc khu vực phát triển đô thị, định hướng phát triển đô thị thuộc các xã Quỳnh Nhai, Mường La, Bắc Yên, Phù Yên, Ngọc Chiến*); vùng đô thị vùng cao biên giới (*khu vực phát triển đô thị, định hướng phát triển đô thị thuộc xã Sông Mã, Sốp Cộp*). Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn theo hướng đồng bộ, hài hòa, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương; chú trọng yếu tố

² Được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 13/4/2024.

đặc trưng, chức năng và bản sắc riêng, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững; phù hợp với các quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kêu gọi và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, trong đó tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng khu công nghiệp Mai Sơn, hình thành phát triển khu công nghiệp Vân Hồ, cụm công nghiệp ở các địa bàn thuận lợi, có khả năng thu hút các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư vào hạ tầng du lịch, nhất là hạ tầng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, du lịch lòng hồ thủy điện; đầu tư, tôn tạo các khu, điểm du lịch như khu di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, các điểm du lịch cộng đồng tại các bản có tiềm năng du lịch.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu áp dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông công nghệ thông tin. Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng xã hội (*giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao...*). Kiện toàn tổ chức, bộ máy, đơn vị chuyên trách đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công nghệ thông tin để thực hiện các nhiệm vụ quản lý, vận hành, giám sát các hệ thống quản lý, thông tin, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng nội dung số; đồng hành và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng... góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

2.1.10. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Có chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất các sản phẩm nông sản cốt lõi, có lợi thế phát triển của tỉnh; thu hút phát triển đội ngũ cố vấn khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia làm việc trên địa bàn tỉnh; thu hút các nhà sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm chủ lực, tiềm năng, đặc sản địa phương của tỉnh Sơn La. Nâng cao năng lực Trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng; phát triển các trung tâm nghiên cứu ứng dụng, trung tâm nghiên cứu hợp tác giữa doanh nghiệp và các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu phát triển trong sản xuất (*R&D*) đối với khối doanh nghiệp tư nhân; tăng cường tiềm lực cho các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm của các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ cho việc phát triển công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh. Xây dựng Hệ thống tiếp công dân trực tuyến 02 cấp tại Trụ sở Tiếp công dân cấp tỉnh và địa điểm tiếp công dân tại các xã/phường. Tăng tỷ lệ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ, đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

Tổ chức và thực hiện phổ biến thông tin khoa học và công nghệ, thông tin thông kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương; phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng đưa tri thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đến với mọi đối tượng; thực hiện kết nối chuyên gia, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Đầu tư, quản lý, khai thác hiệu quả Khu nghiên cứu, ứng dụng chuyên giao tiến bộ khoa học và công nghệ về nông, lâm nghiệp Mộc Châu. Tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ đối với các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông thôn, vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn đo lường Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định đáp ứng nhu cầu kiểm định, hiệu chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh và vùng Tây Bắc.

2.1.11. Tập trung phát triển các vùng kinh tế của tỉnh

Phát triển vùng đô thị và quốc lộ 6: Đẩy mạnh đô thị hoá gắn với phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng và nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, kết nối đô thị. Phát triển thương mại - du lịch - dịch vụ trên cơ sở tăng cường liên kết, hội nhập với các tỉnh, thành phố lớn của khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và các vùng kinh tế khác trên cả nước. Đẩy mạnh việc thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, các doanh nghiệp có liên kết về chuỗi cung ứng vào các khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản chủ lực gắn với việc xây dựng và bảo vệ thương hiệu; có chính sách đẩy mạnh xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm Cà phê Sơn La.

Phát triển vùng cao nguyên Mộc Châu và phụ cận: Tập trung đầu tư, phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, phấn đấu đến năm 2030 trở thành trung tâm du lịch trọng điểm quốc gia và khu vực; phát triển thành trung tâm chế biến nông sản, du lịch của vùng Tây Bắc. Huy động nguồn lực, tập trung đầu tư hạ tầng cửa khẩu Lóng Sập thành cửa khẩu quốc tế hạ tầng kết nối nội địa với khu vực cửa khẩu; xây dựng và phát triển hạ tầng du lịch đảm bảo với các tiêu chí của Khu du lịch Quốc gia, trọng tâm là các kết nối vùng, liên vùng, kết nối đến điểm du lịch. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành, lĩnh vực khác. Tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản chủ lực gắn với việc xây dựng và bảo vệ thương hiệu.

Phát triển vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà: Tiếp tục phát triển các đô thị theo hướng đô thị sinh thái cảnh quan giàu bản sắc; phát triển các điểm dân cư nông thôn theo hướng nông thôn mới, trên cơ sở giữ nguyên quy mô, bản sắc và tăng cường hạ tầng dịch vụ, tạo tiện ích và sinh thái phục vụ cho phát triển du lịch. Tiếp tục phát triển các khu du lịch trên lòng hồ thủy điện Sơn La, khu du lịch Tà

Xuất, khu du lịch Ngọc Chiến theo quy mô thích hợp; phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, có thương hiệu, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng về du lịch văn hóa lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng. Tập trung phát triển các nhà máy thủy điện theo quy hoạch, nâng cao hiệu quả vận hành hồ chứa các công trình thủy điện trên địa bàn. Phát triển nông nghiệp với việc chuyên canh hóa những khu vực canh tác theo hướng canh tác những cây, con đặc thù đang là thế mạnh; tập trung phát triển nghề nuôi trồng thủy sản và đánh bắt cá khu vực lòng hồ sông Đà; bảo tồn rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đa dạng sinh học đối với rừng sản xuất.

Phát triển vùng cao biên giới: Gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh tại khu vực biên giới; nâng cao hiệu quả hợp tác hữu nghị với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mà tỉnh có quan hệ hợp tác. Tiếp tục phát triển các khu đô thị theo hướng đô thị sinh thái cảnh quan giàu bản sắc; quan tâm đầu tư xây dựng cửa khẩu Chiềng Khương nhằm phát huy mạnh hiệu quả đầu tư và tiềm năng, lợi thế của vùng. Phát triển nông nghiệp với việc chuyên canh hóa những khu vực canh tác theo hướng canh tác những cây, con đặc thù đang là thế mạnh như: mắc ca, cây ăn quả (*trọng tâm là cây nhãn*), cây rừng trồng nguyên liệu, cây dược liệu, chăn nuôi đại gia súc...; bảo tồn rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; đa dạng sinh học đối với rừng sản xuất; từng bước tăng độ che phủ rừng.

2.2. Phát triển văn hóa, xã hội và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

2.2.1. Lĩnh vực Văn hoá, thể thao

Xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao sâu rộng, bền vững, toàn diện, vừa tiên tiến, vừa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; chú trọng nâng cao chất lượng phong trào xây dựng và giữ vững danh hiệu “*Gia đình văn hóa*”. Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Xây dựng lĩnh vực báo chí, xuất bản, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số; phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc. Khuyến khích xã hội hóa và huy động các nguồn vốn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và điều kiện hưởng thụ văn hóa, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao; chú trọng phát triển thể dục thể thao cơ sở. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn chỉnh thiết chế văn hóa thể thao cấp tỉnh hiện có; 100% cấp xã có trung tâm văn hoá thể thao; trên 80% dân số vùng sâu, vùng xa, biên giới và 80% các xã vùng dân tộc thiểu số được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa. Xây dựng các khu thi đấu thể thao đạt chuẩn quốc gia và quốc tế tại các trọng điểm phát triển du lịch.

Phát huy các nhân tố tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng; đồng thời phê phán, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng tự do tôn giáo, tín ngưỡng, các vấn đề văn hóa để chống phá chế độ, các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan. Xây dựng văn hóa gia đình, nhà trường và xã hội nhằm bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết, kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội, thực dụng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh, kiên quyết phê phán và ngăn chặn cạnh tranh không lành mạnh, không trung thực trong kinh doanh và các hoạt động kinh tế. Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hóa cho thế hệ mai sau, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Sơn La trở thành địa chỉ hấp dẫn, là điểm đến để giao lưu văn hóa với bạn bè trong nước và quốc tế.

Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống thiết chế và cơ sở hạ tầng thể thao; đẩy mạnh phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp, thể thao quần chúng, giáo dục thể chất và thể thao học đường. Tiếp tục triển khai hiệu quả các đề án phát triển thể thao tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2030, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực thể thao; thúc đẩy hợp tác, giao lưu và hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế thể thao tỉnh Sơn La trong khu vực và cả nước.

2.2.2. Y tế

Củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở với quan điểm y tế cơ sở là nền tảng, phát triển vững chắc hệ thống y tế cơ sở, xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp, gần dân. Tăng cường đầu tư mạng lưới y tế dự phòng, năng lực xét nghiệm, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, không chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các cơ sở y tế công lập; khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của Nhân dân, kể cả của người có thu nhập cao, người nước ngoài. Tập trung hoàn thiện bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh trước khi thành lập mới các bệnh viện chuyên khoa ở cấp tỉnh.

Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thành và đưa vào sử dụng để tăng thêm số cơ sở y tế, giường bệnh. Có các chính sách đủ mạnh để khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong...

Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân; từng bước thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử của người dân. Phấn đấu

mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn dân; mọi người dân được tiếp cận, sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng, từ năm 2026 phần đầu người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần, từng bước giảm gánh nặng chi phí y tế. Đến năm 2030, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình và theo chủ trương, chỉ đạo của Trung ương. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu hàng năm đạt trên 95%.

2.2.3. Giáo dục, lao động

Thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non tới hết lớp 12 trong các cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2025 - 2026. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông; đến năm 2030, có ít nhất 75% người học trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển con người; chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đưa năng lực số vào chương trình giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của Trung ương.

Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mọi người dân, mọi lứa tuổi. Phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các vùng trong tỉnh; ưu tiên đầu tư cao hơn cho phát triển giáo dục đối với vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng cao. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục. Đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới theo chủ trương, định hướng của Trung ương. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kiên quyết khắc phục bệnh thành tích, xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục, đào tạo.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp gắn với thị trường lao động; chú trọng đào tạo nhân lực đáp ứng các ngành nghề; quan tâm đào tạo nghề ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và các vùng đặc biệt khó khăn phù hợp với trình độ, điều kiện và lợi thế phát triển của vùng. Ưu tiên phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh như: Nông nghiệp công nghệ cao, Dịch vụ du lịch, Công nghiệp chế biến nông sản, ngành Y tế chăm sóc sức khỏe, ngành Giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Mở rộng khai thác và phát triển thị trường lao động theo hướng duy trì các thị trường truyền thống, khai thác một số thị trường mới có nhiều tiềm năng,

có việc làm ổn định, thu nhập cao. Tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; có chính sách xây dựng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và các chuyên gia trên các lĩnh vực, từng bước đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

Phấn đấu đến năm 2030, 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản; 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Phát triển về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước và chuyển đổi cơ cấu lao động.

2.2.4. An sinh xã hội

Phát triển kinh tế phải đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người yếu thế, vùng đặc biệt khó khăn. Từng bước giảm chênh lệch, phân hóa giàu nghèo, tăng cơ hội phát triển cho các tầng lớp dân cư. Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt công tác xóa nhà tạm, nhà dột nát, giúp người dân an cư lạc nghiệp, vươn lên thoát nghèo bền vững. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia; tập trung triển khai thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, các đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo, đặc biệt là quan tâm chăm lo phát triển sản xuất, tổ chức lại sản xuất, ổn định dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng cao, biên giới đặc biệt khó khăn để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo; thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, các dân tộc; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức vươn lên thoát nghèo, từng bước xóa bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người dân và cán bộ.

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng, chống ma túy; thực hiện thường xuyên, liên tục, đồng bộ các giải pháp góp phần xây dựng xã hội an toàn, lành mạnh, Nhân dân hạnh phúc, kinh tế - xã hội phát triển bền vững. Tăng cường quản lý người nghiện ma túy đang cai nghiện tại cơ sở điều trị nghiện ma túy và tại cộng đồng. Quan tâm dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện, tái hòa nhập cộng đồng, góp phần phòng ngừa tái nghiện, bảo đảm an ninh, trật tự.

2.3. Quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên được bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; tăng cường bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

2.3.1. Tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa nền kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển các cụm ngành kinh tế gắn kết chặt chẽ với các hoạt động tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, hữu cơ bền vững. Hạn chế các ngành kinh tế phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; phát triển các ngành sản xuất xanh mới.

Thực hiện đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng xanh, bền vững, tạo lập văn hóa tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập với thế giới. Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, tăng cường và đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; rà soát, chấn chỉnh, tăng cường chất lượng, hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường. Tiếp tục quan tâm xây dựng các dự án ưu tiên về bảo vệ môi trường.

Tăng cường quản lý, khai thác sử dụng đất đai bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; gắn với tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, đồng bộ giữa nguồn lực đất đai và các nguồn lực khác nhằm thu hút đầu tư phát triển, phát huy lợi thế đặc thù của địa phương, khu vực, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phát triển lành mạnh thị trường bất động sản; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo quốc phòng, an ninh; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, công bằng và ổn định xã hội; bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích người dân, lợi ích cộng đồng trước mắt cũng như lâu dài. Khắc phục tình trạng sử dụng một số khu đất lãng phí, để đất hoang hoá, ô nhiễm, suy thoái và những tồn tại, vướng mắc về quản lý và sử dụng đất do lịch sử để lại trên địa bàn tỉnh.

2.3.2. Giải pháp về năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, nông nghiệp; chiếu sáng công cộng; trong các tòa nhà; trong kinh doanh, dịch vụ, quảng cáo và trong sinh hoạt. Phát triển công nghệ năng lượng sạch, nâng cao tỷ trọng sử dụng năng lượng tái tạo; xây dựng và thực hiện lộ trình phương tiện, thiết bị, vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng. Tập trung thu hút, lựa chọn các nhà đầu tư, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án năng lượng tái tạo trong điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh.

Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi theo chỉ đạo của Trung ương. Chủ động di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao.

2.3.3. Giải pháp về quản lý, phát triển đô thị và nông thôn

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc hoàn thiện thể chế, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị theo hướng bền vững, xanh, văn minh và đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Phát triển đô thị cần gắn kết hài hòa với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời liên kết chặt chẽ với xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh. Hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đô thị hóa; nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, nông thôn.

Tập trung hoàn thiện hệ thống quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, các khu chức năng và các loại quy hoạch có liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi. Phát triển hệ thống đô thị bền vững, đồng bộ về mạng lưới, bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị với nhau và với khu vực nông thôn. Đẩy mạnh phát triển nhà ở, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết chặt chẽ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung rà soát, lập mới và điều chỉnh hệ thống quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn đảm bảo chất lượng, đồng bộ, thống nhất; phù hợp với định hướng sắp xếp đơn vị hành chính theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cũng như với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thực tế tại địa phương. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành và thúc đẩy sự tham gia tích cực của cộng đồng trong quá trình quy hoạch và phát triển đô thị.

Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng; cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế. Tổ chức thực hiện tốt việc kiểm soát gia tăng dân số tạm trú, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, mang tính tích hợp. Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra ngoài trung tâm các đô thị.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, chấn chỉnh kịp thời để ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về quản lý đầu tư, sử dụng đất, trật tự xây dựng, đấu thầu trên địa bàn tỉnh. Rà soát cân đối, bố trí số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm để thực hiện Đề án “*Đo đạc, hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La*” theo đúng quy định.

2.4. củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực

phòng thủ vững chắc. Kết hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang làm nòng cốt trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh.

Đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy; bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; quan tâm chỉ đạo tăng cường phương tiện, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, nhất là công nghệ số, tự động hoá, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo phục vụ công tác.

Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; nâng cao chất lượng học tập, huấn luyện, diễn tập; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Chú trọng bảo đảm công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an ninh nội bộ; thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, đoàn thể trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên các lĩnh vực dân tộc, tôn giáo, bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh thông tin truyền thông, bảo vệ bí mật nhà nước. Ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, chống lừa đảo trực tuyến. Xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, góp phần từng bước xây dựng xã hội trật tự kỷ cương, an toàn, lành mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2.5. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế

Tăng cường, mở rộng, làm sâu sắc thêm công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao chính quyền, đối ngoại Nhân dân. Duy trì, củng cố mối quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế, tăng cường mối quan hệ với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mà tỉnh có quan hệ hợp tác. Tăng cường đối ngoại Nhân dân; thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài tỉnh. Tăng cường công tác đối ngoại để bảo đảm ổn định, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục phối hợp xây dựng tuyến biên giới Việt Nam - Lào hoà bình, hữu nghị, ổn định và phát triển toàn diện, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh của tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ đất phục vụ quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh; quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng.

Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số; tích cực tận dụng cơ hội, điều kiện, nguồn lực quốc tế để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh

của tỉnh, doanh nghiệp và sản phẩm; đổi mới công tác thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cao hiệu quả việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư; tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch, tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về lịch sử, văn hóa, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Sơn La với bạn bè quốc tế; mở rộng, đa dạng hóa thị trường khách du lịch quốc tế; hợp tác quốc tế, trao đổi kinh nghiệm trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài vào phát triển giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, quản lý khám chữa bệnh, y tế dự phòng, quản lý môi trường và thiết bị y tế; ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. HĐND tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 590/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI	ƯTH năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030				
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
	TỔNG SỐ: 25 CHỈ TIÊU								
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ	09 chỉ tiêu							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP	%	Bình quân trên 8%/năm	8,03	8,0	8,1	8,1	8,2	8,6
2	GRDP bình quân đến năm 2030	Triệu đồng/người/ năm	90,0	71,6	75	80	86	96	104
3	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030 (%)	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	17-18	19,57	22,3	21,7	21,1	19,4	18,0
		- CN - XD	32-33	39,21	29,1	29,7	30,1	32,1	33,2
		- Dịch vụ	43-44	36,15	42,6	42,9	43,2	43,2	43,5
		- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	5-8	5,07	6,0	5,7	5,6	5,2	5,3
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030	Tỷ đồng	Giai đoạn 2026 - 2030 là 150.000	23.000	25.100	27.500	29.900	32.400	35.100
5	Thu ngân sách trên địa bàn năm 2030	Tỷ đồng	8.000	5.200	5.050	5.250	5.500	5.750	8.000
6	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	25,8	20,6	21,5	22,4	23,4	24,4	25,8
7	Tổng lượt khách du lịch đến năm 2030	Nghìn lượt	9.000	5.300	5.850	6.500	7.200	8.000	9.000
8	Tổng thu từ khách du lịch đến năm 2030	Tỷ đồng	12.420	6.300	7.140	8.130	9.360	10.800	12.420
9	Số doanh nghiệp đang hoạt động	Doanh nghiệp	5.500	4.000	4.270	4.560	4.860	5.170	5.500

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI	U'Th năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030				
					Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
II	CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI	13 chỉ tiêu							
10	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội năm 2030	%	50,7	58,90	57,3	55,6	54,0	52,3	50,7
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75,0	65,0	67,0	69,0	71,0	73,0	75,0
	TD: Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ	%	40,0	30,0	32,0	34,0	36,0	38,0	40,0
12	Tỷ lệ hộ nghèo	%		7,89	6,39	4,89	3,39	1,89	-
	Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân				Giảm 1,5 - 2%/năm				
13	Số bác sĩ/10.000 dân đến năm 2030	Bác sĩ	9,50	9,00	9,10	9,20	9,30	9,40	9,50
14	Số giường bệnh/10.000 dân đến năm 2030	Giường	34,50	33,60	33,80	34,00	34,10	34,30	34,50
15	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	Từ 96,35% trở lên	96,20	>96,2	>96,2	>96,2	>96,2	96,35
16	Chỉ tiêu nông thôn mới								
	- Tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	36		6	12	19	27	36
17	Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đến hết năm 2030	%	84,4	73,32	74,2	76,7	79,2	81,9	84,4
18	Tỷ lệ bản, tiểu khu, tổ dân phố được phủ sóng băng rộng di động 5G đến năm 2030	%	100,00	25,88	44,65	63,14	78,64	91,18	100,00
19	Tỷ lệ cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trở lên đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến năm 2030	%	95,22	95,02	95,06	95,10	95,14	95,18	95,22

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 591/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm; Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 770/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Huy động nguồn lực tài chính để thực hiện mục tiêu tăng trưởng trên 8%/năm giai đoạn 2026 - 2030, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo định hướng của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI; cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách tỉnh, chủ động, sáng tạo của các sở, ngành, các xã, phường; ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giáo dục, đào tạo, khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội và an ninh, quốc phòng, đối ngoại; đẩy mạnh đổi mới khu vực doanh nghiệp nhà nước, khu vực sự nghiệp công, quản lý tài sản công; phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa gắn liền với việc tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính nhà nước.

Điều 2. Mục tiêu cụ thể

1. Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 118.042 tỷ đồng; trong đó, thu ngân sách nội địa đạt 29.550 tỷ đồng, tăng khoảng 1,3 lần so với giai đoạn 2021 - 2025, đạt khoảng 5 - 6% GRDP, tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 25% tổng thu ngân sách nhà nước.

2. Tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 118.328 tỷ đồng; trong đó, bố trí nguồn cho chi đầu tư phát triển khoảng 11.599 tỷ đồng, tập trung hoàn thiện đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, các dự án quan trọng của tỉnh, kết nối vùng, trụ cột để bứt phá tăng trưởng. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển (*chưa bao gồm chi Chương trình mục tiêu Quốc gia*) bình quân đạt 10% tổng chi ngân sách nhà nước.

Bố trí nguồn chi thường xuyên (*bao gồm cả chi cải cách tiền lương*) bình quân khoảng 78 - 79% tổng chi ngân sách nhà nước. Ưu tiên chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo chỉ tiêu được Trung ương giao. Đảm bảo các nhiệm vụ chính trị quan trọng của tỉnh, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các chính sách, chế độ đã ban hành, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về giáo dục, đào tạo, y tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, các chương trình mục tiêu quốc gia, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chủ động thực hiện cải cách tiền lương, thưởng khu vực công, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp người có công, các chính sách xã hội.

3. Tỷ lệ bội chi ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 dưới 0,1% GRDP, đảm bảo cân đối ngân sách nhà nước tích cực, an toàn, bền vững. Cơ cấu lại các khoản nợ chính quyền địa phương ở mức hợp lý; kế hoạch vay và trả nợ giai đoạn 2026 - 2030 đảm bảo phù hợp với dự báo tình hình kinh tế - xã hội, khả năng cân đối các nguồn vốn ngân sách nhà nước trả nợ gốc và lãi vay, danh mục chương trình dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và khả năng trả nợ vay của địa phương.

Điều 3. Định hướng công tác tài chính địa phương

1. Điều hành ngân sách nhà nước theo nguyên tắc thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường tính chủ động, tạo môi trường đầu tư cạnh tranh, minh bạch, công bằng, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy, tạo động lực để mọi thành phần kinh tế nỗ lực, chung tay thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế; quản lý sử dụng đúng mục đích, bền vững, lấy hiệu lực, hiệu quả, kết quả làm thước đo, đánh giá, gắn trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp, các đơn vị; đảm bảo cân đối, an toàn tài chính địa phương.

2. Về thu ngân sách nhà nước

Tăng cường công tác quản lý thu ngân sách đảm bảo bao quát, minh bạch, hiện đại, trọng tâm là mở rộng cơ sở thuế, tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng hiện đại, bền vững, giảm tối đa chi phí tuân thủ thuế, khuyến khích đầu tư phát triển. Phấn đấu đến năm 2030 thu ngân sách trên địa bàn đạt 8.000 tỷ đồng.

3. Về chi ngân sách nhà nước

Đẩy mạnh cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, ưu tiên dành nguồn lực cho chi đầu tư phát triển theo các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI; đảm bảo các nghĩa vụ trả nợ của ngân sách nhà nước; bố trí dự phòng ngân sách nhà nước để chủ động xử lý các nhiệm vụ cấp bách, phát sinh trong tổ chức điều hành; trong phạm vi cân đối ngân sách nhà nước, có giải pháp dự phòng để chủ động đảm bảo an toàn tài chính ngân sách địa phương.

4. Về cân đối ngân sách nhà nước

Quản lý bội chi phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng vay, trả nợ của địa phương, sử dụng hiệu quả dự trữ về bội chi để huy động nguồn lực cho phát triển.

Điều 4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

1. Tổ chức tuyên truyền, triển khai hiệu quả thể chế, chính sách tài chính, ngân sách nhà nước, đầu tư, doanh nghiệp, nhất là các Luật được sửa đổi, bổ sung năm 2025 nhằm tạo đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cơ chế phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường trách nhiệm, công khai, minh bạch, thực hiện hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và nâng cao năng lực thực thi của các cấp. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp với từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

2. Tập trung mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số. Đơn giản hóa hệ thống chính sách ưu đãi thuế. Hiện đại hóa hệ thống quản lý thu, giảm tối thiểu chi phí hành chính thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu của ngân sách nhà nước; chống thất thu thuế, tăng cường công tác chống chuyển giá.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển; rà soát chặt chẽ nhu cầu kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã ban hành, bố trí dự toán hàng năm trên cơ sở tiến độ thực hiện, nguồn lực triển khai, khả năng hấp thụ vốn, gắn chi tiêu với kết quả, hiệu quả thực hiện. Bố trí chi ngân sách nhà nước trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún, điều hành chi theo thứ tự ưu tiên. Đảm bảo các nhiệm vụ chi chính trị quan trọng của tỉnh, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các chính sách, chế độ đã ban hành, thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về

giáo dục, đào tạo, y tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, các chương trình mục tiêu quốc gia, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; chủ động thực hiện cải cách tiền lương, thưởng khu vực công, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp người có công, các chính sách xã hội.

Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, đề án, nhiệm vụ mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, thực hiện đúng nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp và trong phạm vi nguồn lực ngân sách nhà nước để đảm bảo an toàn tài chính địa phương.

Tập trung xử lý các điểm nghẽn, thúc đẩy giải ngân đầu tư công, kịp thời rà soát, xử lý các dự án không theo kế hoạch phê duyệt, kiên quyết loại bỏ những dự án không thực sự cần thiết. Chuẩn bị đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của Luật Đầu tư công, đảm bảo sẵn sàng để khởi công thực hiện ngay. Nghiên cứu cơ chế đánh giá, giám sát hiệu quả triển khai các chương trình, chủ trương, chính sách mới ban hành; đánh giá hiệu quả chi ngân sách nhà nước.

4. Quản lý bội chi phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khả năng vay - trả nợ của địa phương; nghiên cứu, xem xét sử dụng hiệu quả dư địa về bội chi để huy động nguồn lực cho phát triển. Gắn kết chặt chẽ quản lý ngân sách nhà nước và bội chi với quản lý ngân quỹ nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực tài chính Nhà nước.

5. Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới hệ thống, tăng cường mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quyết liệt thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, tập trung vào việc xử lý các cơ sở nhà, đất dư thừa, không sử dụng, sử dụng không đúng mục đích, kém hiệu quả, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Sắp xếp, cơ cấu lại, đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cách thức đánh giá, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường vai trò dẫn dắt, liên kết chuỗi giá trị, tạo động lực phát triển của doanh nghiệp nhà nước tới các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

7. Quản lý đồng bộ, thống nhất kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư công trung hạn, kiểm soát các cân đối lớn về tài chính, ngân sách và chủ động, linh hoạt trong điều hành ứng phó với các diễn biến kinh tế - xã hội tác động không thuận trong nước và trên địa bàn tỉnh, tạo nền tảng để các cấp, các ngành phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

8. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách nhà nước, bội chi, quản lý tài sản công. Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh phòng, chống lãng phí, tham nhũng, tiêu cực, đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu; khen thưởng, động viên tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc; xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân có các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Biểu mẫu số 02 - Nghị định 31/2017/NĐ-CP

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 591/NQ-HĐND
ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện giai đoạn 2021-2025					Đơn vị tính: Triệu đồng	
			Tổng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030
A	TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH	344.296.000	345.698.000	57.084.000	63.172.000	67.056.000	75.597.000	82.789.000	523.657.809
B	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	27.300.000	23.081.752	4.468.384	4.709.871	4.344.488	4.189.009	5.370.000	29.580.000
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)			-	5,40	(7,76)	(3,58)	28,19	28,15
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)	7,93	6,68	7,83	7,46	6,48	5,54	6,49	5,65
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)	7,8	5,34	5,98	5,91	5,34	4,66	5,09	4,26
I	Thu nội địa	27.300.000	22.521.677	4.275.937	4.630.996	4.290.652	4.124.092	5.200.000	29.550.000
	Tốc độ tăng thu (%)			26,77	8,30	(7,35)	(3,88)	26,09	31,21
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)		97,57	95,69	98,33	98,76	98,45	96,83	100
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất		4.335.209	997.739	918.309	708.839	610.322	1.100.000	6.980.000
	Thu sở xó kiến thiết		283.682	57.604	55.208	52.786	57.905	60.179	290.000
II	Thu từ dầu thô								
-	Tốc độ tăng thu (%)								
-	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		67.376	23.356	710	4.632	13.678	25.000	30.000
	Tốc độ tăng thu (%)			-	(96,96)	552,39	195,29	82,78	

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030
			Tổng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)		0,29	0,52	0,02	0,11	0,33	0,47	0,9
IV	Thu viện trợ	-	492.699	169.091	78.165	49.204	51.239	145.000	-
	Tốc độ tăng thu (%)				(53,77)	(37,05)	4,14	182,99	
-	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)		2,13	3,78	1,66	1,13	1,22	2,70	
C	TỔNG THU NSDP	80.396.000	112.664.363	15.421.918	19.843.154	22.526.499	23.940.253	30.932.539	118.042.000
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)			-	28,67	13,52	6,28	29,21	4,8
	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)		32,59	27,02	31,41	33,59	31,67	37,36	22,5
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		20.970.819	4.020.524	4.370.456	4.030.566	3.857.083	4.692.190	26.412.000
	Tốc độ tăng thu (%)			-	8,70	-7,78	-4,30	21,65	5
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)		18,61	26,07	22,03	17,89	16,11	15,17	22,4
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	-	72.577.106	9.637.013	13.371.936	13.691.253	15.097.931	20.778.973	91.630.000
	Tốc độ tăng thu (%)			-	38,76	2,39	10,27	37,63	4÷5
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)		64,42	62,49	67,39	60,78	63,07	67,18	77,6
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách		45.160.085	7.176.034	8.790.811	9.201.513	10.367.911	9.623.816	64.044.000
-	Thu bổ sung có mục tiêu		27.417.021	2.460.979	4.581.125	4.489.740	4.730.020	11.155.157	27.586.000
D	TỔNG CHI NSDP	80.817.000	104.666.746	15.384.552	19.811.523	22.459.730	23.861.016	23.149.925	118.328.000
	Tốc độ tăng chi NSDP (%)			-	28,78	13,37	6,24	(2,98)	13,1
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)		30,28	26,95	31,36	33,49	31,56	27,96	22,6
I	Chi đầu tư phát triển		9.211.158	1.736.463	1.886.140	1.913.788	1.909.859	1.764.908	11.599.000
	Tốc độ tăng (%)			-	8,62	1,47	(0,21)	(7,59)	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		8,80	11,29	9,52	8,52	8,00	7,62	9,8

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030
			Tổng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
II	Chi thường xuyên		63.109.035	9.800.262	10.728.747	11.378.884	13.577.116	17.624.026	94.043.000
	Tốc độ tăng (%)			-	9,47	6,06	19,32	29,81	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		60,3	63,7	54,2	50,7	56,9	76,1	79,5
III	Chi trả nợ lãi các khoản vay do chính quyền địa phương vay		12.997	762	824	3.696	1.627	6.088	83.750
	Tốc độ tăng (%)			-	-	348,54	(55,98)	274,19	-
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		0,01	0,00	0,00	0,02	0,01	0,03	0,07
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương								
E	BỘI CHI/BỘI THU NSDP	421.000	134.278	2.077	10.909	78.034	39.025	4.233	286.000
G	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP	1.180.000	874.091	804.105	874.091	806.113	771.417	938.438	4.480.000
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)	102.913		38.186	38.378	46.421	120.958	151.738	166.811
	Tỷ lệ dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	8,7	0,0	4,7	4,4	5,8	15,7	16,2	3,7
	Tỷ lệ dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)	0,03		0,07	0,06	0,07	0,16	0,18	0,03
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)	115.000	25.285	1.885	2.866	3.497	8.245	8.792	48.500
-	Từ nguồn XDCB tập trung	115.000	24.493	1.885	2.866	3.497	8.245	8.000	48.500
-	Từ nguồn bội thu NSDP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh		-	-	-	-	-	792	
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)	500.000	134.278	2.077	10.909	78.034	39.025	4.233	286.000
-	Vay để bù đắp bội chi	500.000	134.278	2.077	10.909	78.034	39.025	4.233	286.000

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Thực hiện giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030
			Tổng giai đoạn	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
-	Vay để trả nợ gốc		-	-	-	-	-	-	-
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)	487,913		38.378	46.421	120.958	151.738	166.811	404.311
	Tỷ lệ mức dư nợ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)	41,3		4,8	5,3	15,0	19,7	17,8	9,0
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)	0,14		0,07	0,07	0,18	0,20	0,20	0,08

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 592/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Xét Tờ trình số 764/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh;
Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế -
Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026

1.1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng lực nội tại, tính tự lực, tự chủ, khả năng chống chịu và thích ứng của các thành phần kinh tế; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường; thúc đẩy mạnh mẽ ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số toàn diện trong các lĩnh vực. Tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; quan tâm phát triển nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phát triển. Đồng thời, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, bền vững và bảo vệ sinh thái. Củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, nhất là quan hệ hợp tác với 09 tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026: 25 chỉ tiêu (có Biểu chi tiết kèm theo).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế, đẩy mạnh các động lực tăng trưởng

Tiếp tục bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương; theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình kinh tế trong nước, khu vực và thế giới, chủ động nâng cao năng lực phân tích, dự báo để kịp thời có giải pháp điều hành phù hợp, linh hoạt, hiệu quả, ứng phó từ sớm, từ xa với các biến động kinh tế, tài chính, thiên tai, dịch bệnh và các yếu tố bất lợi khác.

Tập trung khơi thông và phát huy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng của nền kinh tế tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, công nghiệp chế biến, xây dựng, dịch vụ, du lịch; đồng thời, tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân phát triển sản xuất.

Thực hiện đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các chính sách tài khóa và tiền tệ theo định hướng của Trung ương. Theo dõi sát diễn biến thị trường, kịp thời điều hành lãi suất, tín dụng phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và hợp tác xã tiếp cận vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh; đồng thời, tăng cường quản lý, kiểm soát tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, bảo đảm an toàn hoạt động tài chính - ngân hàng trên địa bàn tỉnh.

Phát triển mạnh thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, đẩy mạnh xuất khẩu, xúc tiến thương mại và du lịch; mở rộng, đa dạng hóa chuỗi cung ứng và thị trường xuất - nhập khẩu, nhất là với các nước trong khu vực; thúc đẩy phát triển dịch vụ logistics, vận tải đường bộ... Tăng cường phát triển các động lực tăng trưởng mới trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế sáng tạo; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

2.2. Quyết tâm thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, phân đầu hoàn thành dự toán thu ở mức cao nhất phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN gắn với các mục tiêu về tái cơ cấu nền kinh tế, phát triển bền vững

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thu, cơ cấu lại thu ngân sách, đảm bảo nguồn thu ngân sách bền vững, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, tiến bộ công bằng xã hội. Mở rộng cơ sở áp thuế, áp dụng mức thuế suất hợp lý đảm bảo công bằng, bình đẳng về thuế giữa các đối tượng nộp thuế; tạo môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh và thúc đẩy đầu tư, đảm bảo lợi ích của tỉnh, tạo điều kiện cho người nộp thuế tích tụ, khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển. Cân đối hợp lý nguồn thu từ thuế, phí cho chi thường xuyên, góp phần tích lũy nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, đảm bảo nhu cầu chi tiêu cần thiết và hợp lý theo chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.

Thực hiện tốt công tác đánh giá, phân tích, dự báo những yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn, tập trung đánh giá, khai thác các nguồn thu tiềm năng, mở rộng cơ sở tính thuế, điều chỉnh phạm vi, đối tượng; rà soát, thu hẹp diện miễn, giảm thuế, tăng cường các biện pháp quản lý khai thác nguồn thu, chống thất thu để bù đắp cho các khoản hụt thu do tác động bởi cơ chế chính sách và các nguyên nhân khách quan. Thực hiện đánh giá phân tích tình trạng nợ thuế theo quy trình quản lý thu nợ thuế; áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế, giảm tỷ lệ nợ thuế; phối hợp tốt với Kho bạc nhà nước, Ngân hàng nhà nước và các tổ

chức tín dụng để thực hiện biện pháp thu nợ thuế. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu ngân sách.

Nâng cao chất lượng công tác phối hợp các ngành chức năng theo cơ chế “một cửa liên thông” giải quyết các thủ tục về thuế kịp thời cho người nộp thuế. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các tổ chức, cá nhân kinh doanh thuộc diện quản lý thu thuế; tăng cường phân cấp quản lý thu. Rà soát lại các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, tập trung vào một số nguồn thu về đất, khai thác tài nguyên khoáng sản, quản lý nợ đọng thuế.

Đẩy mạnh việc quản lý tài chính - ngân sách nhà nước, quán triệt nguyên tắc chi trong phạm vi nguồn lực, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa kế hoạch đầu tư công trung hạn với kế hoạch tài chính trung hạn theo quy định của Luật NSNN. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách, tập trung các nhiệm vụ của nhà nước, các cấp, các ngành, hỗ trợ tích cực cho mục tiêu phục hồi tăng trưởng, đảm bảo nguồn lực đầu tư cho con người, quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội trong tình hình mới, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa chi đầu tư, chi thường xuyên.

Đẩy mạnh cơ cấu lại chi đầu tư công, tập trung vào các nút thắt, các ưu tiên chiến lược của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện vai trò dẫn dắt, vốn môi thúc đẩy mạnh mẽ các hình thức đầu tư ngoài NSNN để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội, thực hiện đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường.

Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích các đơn vị sử dụng NSNN thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, gắn với việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các Sở, ngành và đơn vị sử dụng NSNN.

Đảm bảo an toàn và bền vững nền kinh tế, gắn chặt quản lý NSNN và nợ chính quyền địa phương với quản lý ngân quỹ nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực tài chính Nhà nước, thực hiện quản lý ngân quỹ nhà nước an toàn, hiệu quả, chủ động.

2.3. Đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; cụ thể hóa và triển khai đồng bộ Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính không còn phù hợp, bảo đảm thực chất, hiệu quả; giảm thời gian và chi phí thực hiện cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường ứng dụng công

nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, hướng tới chính quyền điện tử, chính quyền số phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi.

Tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường đối thoại, đồng hành cùng doanh nghiệp; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thông tin về đấu thầu, ngân sách, đầu tư công... để nhà đầu tư, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu và triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh.

Tập trung nâng cao các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), chỉ số công khai ngân sách (POBI) và chỉ số sẵn sàng cho phát triển công nghệ thông tin - truyền thông (ICT Index). Đảm bảo các chỉ số này được cải thiện bền vững, phản ánh thực chất nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển, trong đó chú trọng các chính sách về đầu tư, đất đai, tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp. Đổi mới công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành chính sách, pháp luật; tăng cường rà soát, phát hiện và kiến nghị sửa đổi, bổ sung kịp thời những quy định còn bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với thực tiễn địa phương.

Phấn đấu đến năm 2026, tỉnh Sơn La hoàn thành việc cắt giảm, đơn giản hóa 100% các điều kiện đầu tư, kinh doanh không cần thiết hoặc chồng chéo, không rõ ràng; giảm ít nhất 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ so với năm 2025, góp phần xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch, hấp dẫn.

Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; tập trung giám sát, xử lý dứt điểm các vụ việc, vụ án theo đúng chỉ đạo của Trung ương; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản vi phạm. Thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài, không để phát sinh điểm nóng, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2.4. Tiếp tục tập trung hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành để phục vụ phát triển

Tập trung rà soát, hoàn thiện các quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; kịp thời tháo gỡ khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp cơ sở. Chủ động xử lý, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc về nguồn lực, nhân lực, cơ sở vật chất, quy hoạch, chuyển đổi số, hệ thống cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm bộ máy hành chính vận hành thông suốt, hiệu quả.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn phân cấp, phân quyền mạnh mẽ với trách nhiệm giải trình, đồng thời bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Nâng cao tính chủ động, tự chủ, linh hoạt, sáng tạo của các cấp chính quyền trong thực thi công vụ, điều hành phát triển kinh tế - xã hội theo thẩm quyền; phát huy vai trò kiến tạo, phục vụ của chính quyền địa phương trong đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; hoàn thiện, đưa vào khai thác, vận hành hiệu quả Cơ sở dữ liệu về chính quyền địa phương và địa giới hành chính, bảo đảm kết nối, đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Từng bước hình thành hệ thống dữ liệu dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, giám sát và ra quyết định trên nền tảng số, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị công.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, liêm chính, năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Thực hiện đánh giá công chức, viên chức công khai, minh bạch, dựa trên kết quả, sản phẩm công việc. Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao; khuyến khích, tạo môi trường để cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số phát huy năng lực, đóng góp cho sự phát triển của tỉnh.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

2.5. Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tập trung phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng.

Cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ và sử dụng ngân sách. Nâng cao tính chủ động, linh hoạt của ngân sách địa phương, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là cho các công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết nội tỉnh có tác động lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung, tránh dàn trải, manh mún; tăng cường huy động nguồn lực xã hội, thu hút đầu tư ngoài ngân sách, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng công nghệ; nâng cao năng lực tiếp cận, ứng dụng công nghệ số của doanh nghiệp và người dân. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ sản xuất, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái số và nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số.

Tập trung phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu nông sản Sơn La; mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân. Phát triển vùng nguyên liệu tập trung, các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ; chú trọng phát triển cây mắc ca, cây dược liệu, cây ăn quả có múi, lâm sản ngoài gỗ và chăn nuôi hữu cơ.

Phát triển công nghiệp theo hướng xanh, sạch, bền vững; tập trung vào công nghiệp chế biến nông, lâm sản, chế biến sâu khoáng sản, năng lượng tái tạo và công nghiệp hỗ trợ. Tạo điều kiện thuận lợi để các nhà máy chế biến lớn trên địa bàn phát huy công suất, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm.

Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch có trọng tâm, trọng điểm, lấy Khu du lịch quốc gia Mộc Châu và Khu du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La làm động lực phát triển; phát huy lợi thế văn hóa các dân tộc, tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan, bản sắc văn hóa đặc trưng của Sơn La để hình thành sản phẩm du lịch độc đáo, khác biệt, hấp dẫn.

Tiếp tục phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ hiện đại; mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ; phát triển mạnh thương mại điện tử, logistics và các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch. Khuyến khích các cơ sở kinh doanh và người dân chuyển đổi sang hình thức mua bán, thanh toán không dùng tiền mặt.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tín dụng, ngân hàng; đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên; tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn cho doanh nghiệp và người dân. Tiếp tục thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo kế hoạch, nâng cao hiệu quả sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường.

Phát triển kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng; thu hút có chọn lọc gắn với chuyển giao công nghệ, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án đầu tư chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài. Chủ động chuẩn bị điều kiện để Sơn La tham gia vào các ngành công nghiệp mới như năng lượng xanh, công nghệ cao và chuyển đổi năng lượng...

2.6. Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là công trình quan trọng, hạ tầng giao thông, các công trình có tính liên kết vùng, hạ tầng chống biến đổi khí hậu, hạ tầng số

Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại, tạo nền tảng và động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng, tác động lan tỏa cao, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển chung của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ dự án tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn qua địa bàn tỉnh Sơn La; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Trung ương đầu tư tuyến cao tốc Mộc Châu - thành phố Sơn La trong giai đoạn 2026 - 2030; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, góp phần hình thành trục kết nối kinh tế quan trọng của vùng; đẩy mạnh phong trào làm đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư, chuẩn bị nguồn vật liệu xây dựng và kiểm soát giá vật tư, đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư công.

Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình thủy lợi, cấp nước, phòng chống thiên tai phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất. Tiếp tục nâng cấp, sửa chữa các công trình hồ, đập, kênh mương; phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La, từng bước xây dựng hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh, bền vững. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; nâng cao chất lượng dịch vụ công. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và đời sống xã hội, từng bước hình thành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Tăng cường lồng ghép, phối hợp giữa các chương trình, dự án đầu tư công với chương trình mục tiêu quốc gia, huy động đa dạng nguồn lực để đầu tư hạ tầng giao thông, năng lượng, đô thị và hạ tầng số; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên các công trình có tính liên kết vùng, lan tỏa phát triển và thúc đẩy không gian phát triển mới của tỉnh.

2.7. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số của tỉnh. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; gắn phát triển quy mô đào tạo với nâng cao chất lượng, hiệu quả, kỹ năng nghề nghiệp, nhất là trong các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, dịch vụ, tài chính và quản trị công.

Đẩy mạnh đào tạo nghề, đào tạo lại lao động khu vực nông thôn; tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trong

công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng thực hành, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động và tạo việc làm bền vững sau đào tạo. Quan tâm phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, bản lĩnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gắn nghiên cứu, ứng dụng với nhu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh. Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản, phát triển năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái và quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị, có khả năng cạnh tranh cao và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng khu vực, quốc tế.

Tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi số của tỉnh Sơn La gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số. Xây dựng, hoàn thiện, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phát triển hạ tầng số đồng bộ, an toàn, hiện đại; nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Chủ động triển khai Kế hoạch hành động số 333-KH/TU ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Phát huy vai trò của các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới. Từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu cho tăng trưởng, góp phần xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy phát kinh tế.

2.8. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội

Tiếp tục phát triển toàn diện, hài hòa giữa kinh tế với văn hoá, xã hội; xây dựng con người Sơn La phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, lối sống, sức khỏe, thẩm mỹ và ý thức công dân. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Sơn La; tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử, truyền thống cách mạng, khơi dậy khát vọng vươn lên của người dân trong thời kỳ mới.

Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, nhất là người dân vùng sâu,

vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Tiếp tục hỗ trợ phát triển sinh kế, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp. Thực hiện đồng bộ các chính sách người có công, chính sách dân tộc, tôn giáo, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi và trẻ em; bảo đảm quyền trẻ em và môi trường sống an toàn, lành mạnh.

Phát triển hệ thống y tế theo hướng “tinh gọn, hiện đại, hiệu quả”, nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở và năng lực ứng phó dịch bệnh; tăng cường kiểm soát an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và sức khỏe cộng đồng. Thực hiện tốt Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về tăng cường bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, chương trình tiêm chủng mở rộng, phòng, chống bệnh không lây nhiễm và bệnh nghề nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Phát huy tiềm năng và thế mạnh của y học cổ truyền; kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong đào tạo nhân lực, phòng bệnh và khám bệnh, chữa bệnh.

Tăng cường quản lý, phát triển thị trường lao động; mở rộng độ bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm, nhất là lao động nông thôn, thanh niên. Quan tâm công tác xuất khẩu lao động, bảo đảm an toàn, quyền lợi hợp pháp cho người lao động.

Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, chủ động phòng ngừa, đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng gây chia rẽ, mất đoàn kết. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp sáng tạo, du lịch văn hóa, khai thác giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc gắn với quảng bá hình ảnh Sơn La năng động, thân thiện, giàu bản sắc.

2.9. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; có giải pháp huy động hợp lý nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bảo đảm công khai, minh bạch, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện nghiêm quy định về đánh giá tác động môi trường, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Sàng lọc, loại trừ các dự án có công nghệ lạc hậu, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; thúc đẩy phát triển dịch vụ tái

chế, xử lý chất thải. Tăng cường năng lực quản lý, thu gom, xử lý rác thải rắn, rác thải nhựa, rác thải điện tử, chất thải nguy hại tại đô thị và nông thôn; từng bước hình thành mô hình phân loại, tái chế rác thải tại nguồn.

Chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai, biến đổi khí hậu; kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống dân cư khi có thiên tai xảy ra. Huy động, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, nhất là tại các khu vực có nguy cơ cao về sạt lở, lũ quét, ngập úng.

Phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

2.10. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh, trật tự

Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; kịp thời đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị. Tăng cường công tác nắm tình hình, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, nhất là ở các địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực biên giới.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại; chú trọng lồng ghép mục tiêu quốc phòng, an ninh trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; phối hợp chặt chẽ với lực lượng chức năng của nước bạn Lào trong công tác quản lý, tuần tra, kiểm soát, đấu tranh phòng, chống tội phạm qua biên giới; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; tập trung trấn áp các loại tội phạm nguy hiểm, tội phạm ma túy, tội phạm công nghệ cao; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, bảo đảm an ninh mạng, an ninh thông tin, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng - văn hóa, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội phục vụ phát triển bền vững của tỉnh.

Tiếp tục củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững mạnh, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống. Quan tâm xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, nâng cao sức mạnh tổng hợp và khả năng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Bảo đảm tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; mở rộng hợp tác hữu nghị, đặc biệt là với các tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào mà tỉnh có quan hệ hợp tác; thúc đẩy các hoạt động ngoại giao kinh tế, đối ngoại nhân dân gắn với quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Sơn La. Qua đó, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tăng cường sức mạnh tổng hợp, củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

2.11. Chủ động hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; phát huy mạnh mẽ các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội, động lực khí thế khát vọng phát triển

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh; kịp thời thông tin định hướng, ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong các lĩnh vực đời sống xã hội.

Thực hiện nghiêm công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân đưa tin sai sự thật, thông tin xấu, độc trên không gian mạng. Đổi mới, đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong công tác thông tin, tuyên truyền.

Phát huy sức mạnh của các phong trào thi đua yêu nước, thi đua lao động sáng tạo gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, địa phương, đơn vị; kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển Sơn La nhanh và bền vững.

Đẩy mạnh tuyên truyền phục vụ các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước và của tỉnh trong năm 2026, đặc biệt là Đại hội lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; tạo khí thế thi đua sôi nổi, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. HĐND tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi

nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 593/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh
thông qua đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật Quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc thông qua đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045;

Xét Tờ trình số 780/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh thông qua

đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045.

(có Phụ lục các nội dung sau điều chỉnh kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện đề án quy hoạch, UBND tỉnh có thể điều chỉnh một số chỉ tiêu không làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch. Trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu, tính chất, quy mô quy hoạch: UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết.

3. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục

**Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo
Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh
thông qua đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 593/NQ-HĐND
ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)*

1. Phạm vi, ranh giới và quy mô điều chỉnh quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn các phường Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Thảo Nguyên và các xã Đoàn Kết, Lóng Sập, Chiềng Sơn, Tân Yên, Vân Hồ, Song Khủa, Tô Múa, Xuân Nha, được giới hạn như sau:

- + Phía Đông và Đông Nam giáp tỉnh Phú Thọ;
- + Phía Tây và Tây Bắc giáp xã Lóng Phiêng, Chiềng Sại, Chiềng Hặc;
- + Phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;
- + Phía Bắc giáp xã Kim Bon, Tân Phong.

- Diện tích nghiên cứu lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La khoảng 205.405,16 ha.

2. Thời hạn quy hoạch

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2045.

3. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

3.1. Quan điểm quy hoạch

- Định hướng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu phù hợp Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị, phát triển xanh và bền vững, là điểm đến hấp dẫn, có thương hiệu của khu vực Tây Bắc, trong nước và quốc tế; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, chuyên nghiệp, giàu bản sắc, có sức cạnh tranh cao, kết nối và thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển.

- Phát triển đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ, du lịch đáp ứng nhu cầu trở thành trung tâm kinh tế của tỉnh Sơn La, vùng Tây Bắc, khu vực có ý nghĩa quan trọng của Quốc gia.

- Phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu có bản sắc gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng.

3.2. Mục tiêu quy hoạch

- Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu trở thành trung tâm động lực phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch vùng trung du miền núi Bắc Bộ, điểm đến hấp dẫn, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống người dân và đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xây dựng và phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu trở thành một trong những động lực phát triển du lịch cả nước.

+ Đến năm 2045, Khu du lịch quốc gia Mộc Châu trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, văn hóa tầm cỡ quốc gia, quốc tế với hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật, cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, sản phẩm du lịch đa dạng, chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực và quốc tế.

4. Tính chất

Là khu du lịch quốc gia, trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa vườn tầm quốc tế, động lực phát triển du lịch cả nước, tham gia vào xây dựng thương hiệu du lịch quốc gia, hướng tới khách du lịch cao cấp; là vùng đô thị, cực phát triển của tỉnh Sơn La; là vùng trọng điểm phát triển kinh tế của tỉnh, trung tâm sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến; là vùng bảo tồn sinh thái cảnh quan; là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

5. Dự báo quy mô dân số, khách du lịch

- Quy mô dân số (bao gồm cả dân số quy đổi): Đến năm 2030 khoảng 273.800 người; đến năm 2045 khoảng 350.500 người.

- Dự báo quy mô khách du lịch: Đến năm 2030 đón khoảng 5 triệu lượt, trong đó, khách quốc tế đạt khoảng 5 - 6% tổng lượng khách; đến năm 2045, đón khoảng 8 triệu lượt, khách quốc tế đạt trên 10% tổng lượng khách.

6. Định hướng phát triển không gian

6.1. Mô hình phát triển và cấu trúc không gian

- Mô hình phát triển: Phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu với mô hình tập trung đa cực, tập trung tại cao nguyên trung tâm và mở rộng về phía Tây Bắc - Tân Lập. Xây dựng và phát triển các cực tăng trưởng tại các vùng có nền địa hình phù hợp, trên các trục vành đai, hành lang kinh tế trọng điểm và khu vực ngoại vi. Phát triển khung giao thông, tăng cường kết nối nội vùng và kết nối các cực tăng trưởng.

- Cấu trúc không gian (gồm: Cấu trúc lưu thông, các vùng phát triển, vùng bảo tồn cảnh quan, cây xanh - không gian mở), cụ thể:

+ Cấu trúc lưu thông: Hình thành 03 tuyến vành đai (gồm: Vành đai trung tâm liên kết các tuyến QL.6, QL.43, ĐT.101; vành đai đô thị - vành đai xanh đưa

giao thông cơ giới ra khỏi khu vực trung tâm; vành đai mở kết nối các cực phát triển Tô Múa, Chiềng Yên, Chiềng Sơn); 03 hành lang Đông Tây (gồm: Cao tốc CT.03 đoạn Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La; hành lang dọc sông Đà phía Bắc; hành lang biên giới phía Nam); 07 trục hướng tâm (gồm: Tuyến cao tốc CT.03 Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La, các tuyến QL.6, QL.43, QL.16, ĐT.101, ĐT.102, ĐT.101B).

+ Các vùng phát triển, gồm: Trung tâm Khu du lịch (Trung tâm Mộc Châu - Trung tâm du lịch trọng điểm - Trung tâm Vân Hồ), khu vực phát triển tập trung trong vành đai xanh và các cực phát triển (cực phát triển phía Đông Bắc - khu vực Tô Múa; cực phát triển phía Đông - khu vực Chiềng Yên; cực phát triển phía Tây Nam - khu vực Chiềng Sơn).

+ Vùng bảo tồn cảnh quan, cây xanh - không gian mở: Giữ gìn và bảo vệ cảnh quan khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Nha, các vùng cảnh quan tự nhiên, cảnh quan nông nghiệp đặc trưng, nguồn nước và các hành lang xanh.

6.2. Phân vùng kiểm soát và quản lý phát triển

Điều chỉnh từ 03 phân vùng thành 04 phân vùng, cụ thể: Vùng I - Vùng trung tâm động lực phát triển du lịch, phát triển tập trung cơ sở hạ tầng, các công trình dịch vụ du lịch cấp Vùng và Quốc gia gắn với trung tâm Mộc Châu, Vân Hồ, trung tâm du lịch trọng điểm; Vùng II - Vùng phía Bắc, phát triển du lịch sinh thái gắn với cảnh quan sông Đà với cực phát triển đô thị Tô Múa; Vùng III - Vùng phía Đông, gắn với du lịch cộng đồng với cực phát triển Chiềng Yên; Vùng IV - Vùng phía Nam, phát triển du lịch sinh thái gắn với khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Nha, cửa khẩu quốc tế Lóng Sập với cực phát triển Chiềng Sơn.

6.3. Định hướng phát triển không gian du lịch tổng thể

Phát triển khu du lịch quốc gia Mộc Châu trở thành trung tâm du lịch tầm cỡ Quốc gia và Quốc tế với các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc thù, nằm trong chuỗi kết nối với du lịch văn hóa, sinh thái núi rừng, khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Nha, du lịch sinh thái dọc sông Đà, trong đó:

- Trung tâm Khu du lịch là tổ hợp đô thị du lịch (Trung tâm Mộc Châu - Trung tâm du lịch trọng điểm - Trung tâm Vân Hồ) phát triển du lịch hỗn hợp, trung tâm nghỉ dưỡng, trung tâm du lịch sinh thái, trung tâm vui chơi giải trí gắn với các loại hình du lịch MICE, du lịch chuyên đề, du lịch kết hợp với chăm sóc sức khỏe...

- Phát triển trung tâm du lịch tại các cực phát triển gắn với các tiểu vùng: Khu vực Tô Múa, Chiềng Sơn, Chiềng Yên liên kết hỗ trợ với trung tâm Khu du lịch, phát triển du lịch văn hóa cộng đồng, du lịch trải nghiệm nông lâm nghiệp, du lịch thể thao trên cơ sở khai thác yếu tố đặc trưng văn hóa dân tộc, địa hình, cảnh quan của từng vùng.

- Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm gắn với các hành lang kết nối, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên (đồi núi, rừng, suối, thác, sông, hồ...), bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử, khai thác lợi thế về cảnh quan, văn hóa, thiên nhiên của từng

khu vực, phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của các dân tộc trong khu vực.

- Thiết lập các tuyến du lịch trên cơ sở kết nối các di sản tự nhiên và di sản văn hóa.

6.4. Định hướng phát triển không gian trung tâm và các khu, điểm du lịch trọng điểm

- Trung tâm Khu du lịch quốc gia Mộc Châu phát triển trên cơ sở tích hợp các định hướng đã được quy hoạch tại Quy hoạch chung đô thị Mộc Châu (khu vực nội thị), Quy hoạch chung đô thị Vân Hồ và điều chỉnh để phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

- Trung tâm du lịch gắn với các tiểu vùng (*trung tâm Tô Múa, Chiềng Yên, Chiềng Sơn*): là đầu mối giao lưu, trung tâm tiếp đón, trung tâm dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ nghỉ dưỡng.

- Kế thừa các điểm du lịch đã được quy hoạch và điều chỉnh, bổ sung một số cụm (khu, điểm) du lịch trọng điểm, cụ thể:

+ Các khu vực cửa ngõ đảm bảo chức năng là trung tâm tiếp đón, đáp ứng đa dạng các nhu cầu dịch vụ, các hoạt động có tính giải trí cao, trung tâm điều phối khách du lịch đến Mộc Châu, gồm:

(1) Khu vực Tân Lập: Cửa ngõ phía Tây Bắc của Khu du lịch, là đầu mối giao thương, trung tâm hậu cần logistic, chế biến nông sản, trung tâm dịch vụ du lịch gắn với sân bay Mộc Châu với điểm nhấn là tổ hợp du lịch, vui chơi giải trí, sân golf và các dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp.

(2) Khu vực Ngã ba sông: Cửa ngõ phía Bắc của Khu du lịch, có vị trí tại khu vực cầu Vạn Yên, hình thành trung tâm dịch vụ du lịch, tổ hợp vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, sân golf, bến thuyền.

(3) Khu vực Chiềng Yên: Cửa ngõ phía Đông của Khu du lịch, tiếp giáp với Tân Mai, Phú Thọ, là điểm kết nối với cao tốc CT.03 và liên kết với chuỗi các điểm du lịch lòng hồ Hòa Bình, hình thành trung tâm dịch vụ du lịch, phát triển các tổ hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng.

(4) Khu vực cửa khẩu Lóng Sập: Cửa ngõ phía Tây Nam của Khu du lịch, kết nối với Lào và các nước Đông Nam Á qua cửa khẩu quốc tế, trung tâm kinh tế biên mậu, thương mại, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp với các sản phẩm chất lượng cao của tỉnh, đầu mối giao thông hành lang kinh tế Việt Nam - Lào, điểm trung chuyển hàng hóa, khách du lịch quan trọng trên tuyến QL.43, hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu quốc tế Lóng Sập, phát triển các chức năng hậu cần logistic, thương mại cửa khẩu...

+ Các cụm (khu, điểm) du lịch trọng điểm gắn với các đầu mối giao thông, tại nút giao các đường vành đai và các trục hướng tâm, kết hợp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản làng; các khu vực cảnh quan đặc sắc, gồm:

(1) Cụm Tà Sô - Tân Lập: Phát triển dịch vụ hỗn hợp, tổ hợp nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan núi rừng, cảnh quan nông nghiệp... hài hòa với tự nhiên.

(2) Cụm Pa Phách - Chiềng Sơn - Pha Luông: Phát triển dịch vụ du lịch hỗn hợp, du lịch sinh thái, mạo hiểm, du lịch cộng đồng gắn với cảnh quan núi rừng, cảnh quan nông nghiệp... hài hòa với tự nhiên.

(3) Cụm du lịch ven sông Đà: Khu vực gắn với cảnh quan sông Đà và các di tích đền Hang Miếng, Hang Mộ Tạng Mè, phát triển du lịch tâm linh, tham quan trải nghiệm, các khu nghỉ dưỡng đa dạng... hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và môi trường.

6.5. Các tuyến du lịch

Khai thác các kết nối trọng tâm nội vùng (gồm: Quốc lộ 6, Quốc lộ 43 và hệ thống đường tỉnh), mở rộng kết nối với đường hàng không Quốc gia, cao tốc phía Bắc từ Hà Nội, khai thác cửa khẩu quốc tế Lóng Sập để phát triển các tuyến du lịch (như: Mộc Châu - Sầm Nưa (Lào), Quảng Ninh - Hà Nội - Mộc Châu, Pù Luông - Mộc Châu, Mai Châu - Mộc Châu, hồ Hòa Bình - Mộc Châu, Mộc Châu - Điện Biên Phủ).

6.6. Định hướng phát triển khu vực đô thị và nông thôn

- Định hướng khu vực đô thị:

+ Khu vực đô thị trung tâm (khu vực Mộc Châu và khu vực Vân Hồ): Khu vực Mộc Châu với phạm vi 04 phường (Mộc Châu, Thảo Nguyên, Mộc Sơn, Vân Sơn) đạt tiêu chí đô thị loại III năm 2030, hướng đến loại II năm 2045; Khu vực Vân Hồ với phạm vi trung tâm xã Vân Hồ, đạt tiêu chí đô thị loại V năm 2030, hướng đến loại IV năm 2045.

+ Khu vực đô thị Tô Múa, Chiềng Yên hướng đến tiêu chí đô thị loại V.

- Định hướng khu vực nông thôn (gồm 08 xã: Đoàn Kết, Lóng Sập, Chiềng Sơn, Tân Yên, Song Khủa, Vân Hồ (phần còn lại), Tô Múa (phần còn lại), Xuân Nha): Khai thác và phát huy thế mạnh đặc trưng về bản sắc văn hóa, kiến trúc truyền thống đa dạng các dân tộc để phát triển du lịch bền vững, phù hợp với điều kiện của từng xã; hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đối với các xã trong toàn Khu du lịch; đối với các trung tâm xã thực hiện cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và vệ sinh môi trường đáp ứng nhu cầu phát triển.

7. Quy hoạch sử dụng đất

7.1. Quy hoạch sử dụng đất toàn Khu du lịch quốc gia Mộc Châu đến năm 2045

Tổng diện tích quy hoạch Khu du lịch quốc gia Mộc Châu khoảng 205.405 ha, trong đó:

- Khu vực xây dựng các chức năng là 13.086,23 ha, chiếm 6,37% diện tích, gồm các loại đất phục vụ xây dựng phát triển khu du lịch, như: Nhu cầu cư trú, dịch vụ công cộng, đất phục vụ các hoạt động dân cư, hạ tầng, giao thông và đất có mục đích sử dụng đặc biệt (an ninh, quốc phòng...);

- Khu nông nghiệp và chức năng khác là 192.318,77 ha, chiếm 93,63% diện tích, gồm: Đất rừng, đất nông nghiệp, mặt nước và dự trữ phát triển.

7.2. Quy hoạch sử dụng đất Khu trung tâm Khu du lịch quốc gia Mộc Châu đến năm 2045

Diện tích trung tâm Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu khoảng 51.572 ha. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045 như sau:

a) Đất xây dựng đô thị

Khoảng 6.816,04 ha, chiếm 13,22% diện tích đất tự nhiên khu trung tâm Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, cụ thể:

- Đất dân dụng: Có diện tích 1.860,04 ha (*chiếm 29,85% đất xây dựng đô thị, chỉ tiêu 96,7 m²/người*), bao gồm:

+ Đất nhóm nhà ở: Khoảng 1.046,67ha (*đất đơn vị ở mới 556,2 ha; đất đơn vị ở hiện trạng 490,47 ha*);

+ Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ: Khoảng 57,89 ha;

+ Đất giáo dục: Khoảng 22,78 ha;

+ Đất dịch vụ - công cộng khác: Khoảng 59,52 ha;

+ Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị: Khoảng 38,04 ha;

+ Đất cây xanh sử dụng công cộng: Khoảng 127,88 ha;

+ Đất giao thông đô thị: Khoảng 481,68 ha;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị: Khoảng 22,41 ha.

- Đất ngoài dân dụng: Khoảng 4.955,84 ha, gồm: Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng khoảng 229,26 ha; đất nhóm nhà ở nông thôn khoảng 224,24 ha; đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoảng 16,65ha ; đất dịch vụ, du lịch khoảng 1.520,7 ha; đất trung tâm y tế khoảng 34,09 ha; đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao khoảng 520,57 ha; đất cây xanh sử dụng hạn chế khoảng 1.029,61 ha; đất cây xanh chuyên dụng khoảng 349,5 ha; đất di tích, tôn giáo khoảng 14,07 ha; đất an ninh khoảng 28,32 ha; đất quốc phòng khoảng 555,25; đất giao thông đối ngoại khoảng 270,7 ha; đất hạ tầng kỹ thuật khác khoảng 156,81 ha.

b) Đất nông nghiệp và chức năng khác

Khoảng 44.755,96 ha, trong đó: Đất nông nghiệp khoảng 18.593,67 ha; đất lâm nghiệp khoảng 21.665,49ha; Mặt nước khoảng 37,66 ha; sông, suối khoảng 217,02 ha; đất dự trữ phát triển khoảng 4.240,59 ha.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế và xã hội

Về cơ bản kế thừa các định hướng của Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2030 (QH-128), bổ sung các hạ tầng kinh tế mới gắn với khai thác ưu thế nông lâm nghiệp và thúc đẩy công nghiệp chế biến, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

8.1. Hệ thống hạ tầng kinh tế

a) Du lịch

- Tiếp tục phát triển trung tâm Khu du lịch (*Trung tâm nghỉ dưỡng, sinh thái, vui chơi giải trí*) và vùng đệm. Phát triển trung tâm du lịch tại các cực phát triển Tô Múa, Chiềng Yên, Chiềng Sơn. Hình thành các khu, tuyến, điểm du lịch trọng điểm gắn với các đầu mối giao thông.

- Phát triển trung tâm du lịch tầm Quốc gia và Quốc tế với các loại hình du lịch MICE, du lịch chuyên đề, du lịch mua sắm... Xây dựng thương hiệu “Du lịch hội nghị, hội thảo, văn hóa, giải trí” thành sản phẩm du lịch và thương hiệu du lịch, phát triển Trung tâm văn hóa gắn với di tích lịch sử và các di sản Văn hóa phi vật thể Quốc gia, tập trung nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở vật chất ngành, hình thành các tổ hợp nghỉ dưỡng - golf cao cấp và khai thác hiệu quả hơn du lịch cộng đồng.

b) Khu kinh tế cửa khẩu Lóng Sập

Phát triển thành khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, như: Thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp và nông lâm ngư nghiệp; trong đó, trọng tâm là phát triển thương mại, dịch vụ, logistics. Không gian phát triển trung tâm là xã Lóng Sập cùng với 2 hướng chính, gồm:

- Phía Bắc: Đoạn từ trung tâm xã Lóng Sập đến trung tâm Khu du lịch (*đọc theo QL.43*) phát triển các khu dân cư, khu sản xuất nông nghiệp gắn với cảnh quan khu cửa khẩu.

- Phía Tây Nam: Đoạn từ trung tâm xã Lóng Sập đến cửa khẩu Lóng Sập (*đọc theo QL.43*) phát triển thương mại, du lịch, hình thành các cơ sở hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu, như: Khu kho bãi, khu thuế quan, logistics...

c) Thương mại, dịch vụ

- Phát triển các trung tâm dịch vụ, thương mại, logistics, trung tâm giao dịch và trung chuyển hàng hóa gắn với chợ đầu mối nông sản theo tuyến Quốc lộ 6 và cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu; xây dựng trung tâm hậu cần logistics tại Lóng Sập.

- Phát triển chợ đầu mối nông sản cấp vùng (quy mô khoảng 5 ha) tại tiểu khu 9, xã Tân Yên (thay thế cho vị trí đã được dự kiến trước đây tại khu vực tiểu khu 70, tiếp giáp QL.6); cải tạo, nâng cấp chợ thị trấn Nông trường (khu vực km70 trên QL.43), chợ thị trấn Mộc Châu (trên QL.6); xây dựng các chợ mới tại Tô Múa, Chiềng Yên, Tân Yên, Đoàn Kết, Song Khủa, Chiềng Sơn và Xuân Nha.

- Xây dựng mới 01 trung tâm thương mại tổng hợp tại tiểu khu Bản Mòn, diện tích khoảng 4,05 ha.

d) Khu, cụm công nghiệp

- Phát triển theo hướng công nghiệp sạch, thân thiện với môi trường, từng bước phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đến năm 2030, các khu vực sản xuất gây ô nhiễm, nhà máy, xí nghiệp nhỏ lẻ, rải rác trong đô thị sẽ được di dời, quỹ đất hiện có được chuyển đổi thành các chức năng dân dụng phục vụ đô thị.

- Chú trọng đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Vân Hồ và 05 cụm công nghiệp (Lóng Luông, Song Khủa, Mộc Châu 1, Mộc Châu 2 và Mộc Châu 3). Trong ngắn hạn (đến năm 2030) duy trì và thu gọn giảm quy mô diện tích Cụm công nghiệp Mộc Châu tại tiểu khu Bó Bun theo quy định.

8.2. Hệ thống hạ tầng xã hội

a) Cơ quan hành chính: Điều chỉnh phù hợp với định hướng sáp nhập xã, phường và chính quyền địa phương 02 cấp. Nâng cấp cải tạo, hoàn thiện trung tâm hành chính - chính trị đối với phường Mộc Châu, phường Mộc Sơn, phường Thảo Nguyên, xã Lóng Sập, xã Chiềng Sơn, xã Tân Yên, xã Vân Hồ, xã Tô Múa; quy hoạch mới trung tâm hành chính đối với phường Vân Sơn, xã Đoàn Kết, xã Song Khủa và xã Xuân Nha.

b) Hệ thống công trình văn hóa, thể dục thể thao, y tế, giáo dục

- Văn hóa, thể thao: Cải tạo, chỉnh trang các công trình văn hóa, kiến trúc có giá trị lịch sử. Xây dựng các khu chức năng mới đồng bộ, bản sắc và hiện đại phù hợp với văn hóa truyền thống các dân tộc và điều kiện tự nhiên của địa phương. Điều chỉnh mở rộng quy mô cụm công trình văn hóa cấp đô thị tại Mộc Châu, từ 2,6 ha lên 5,2 ha. Xây dựng mới Trung tâm hội nghị quốc tế trong Khu du lịch và Trung tâm thể dục thể thao và văn hóa Vân Hồ. Xây dựng mới công trình Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao tại các xã Tân Yên, Đoàn Kết, Tô Múa, Song Khủa, Lóng Sập, Chiềng Sơn, Xuân Nha.

- Y tế: Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Mộc Châu thành Bệnh viện đa khoa khu vực hạng 1 cấp tỉnh. Nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa khu vực Vân Hồ cơ sở Vân Hồ, cơ sở Thảo Nguyên; xây dựng Bệnh viện Lão khoa; phát triển mới các Trung tâm chăm sóc sức khỏe quốc tế; xây mới một số Trung tâm/Trạm y tế ở các phường, xã: Tân Yên, Đoàn Kết, Song Khủa, Tô Múa, Chiềng Sơn, Lóng Sập, Xuân Nha.

- Giáo dục: Cải tạo, chỉnh trang các trường hiện hữu; xây dựng mới các trường phổ thông trung học tại Chiềng Yên, Nà Mường, phường Thảo Nguyên, phường Mộc Châu và phường Vân Sơn. Xây mới một số trường dân tộc nội trú tại các xã Lóng Sập, Chiềng Sơn, Xuân Nha; phát triển mới các trung tâm nghiên cứu, đào tạo du lịch.

- Thể dục, thể thao và công viên cây xanh: Xây dựng các trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị tại phường Thảo Nguyên (diện tích khoảng 6,36 ha), xã Vân Hồ (diện tích khoảng 5,14 ha); phát triển các trung tâm thể dục thể thao khu vực tại Tô Múa và Chiềng Yên với quy mô khoảng 5ha.

c) Công viên, cây xanh

Chỉnh trang các công viên hiện hữu, xây dựng các công viên công cộng, công viên chuyên đề trong các khu đô thị, khu du lịch và vùng nông thôn. Xây dựng mới công viên vui chơi, giải trí đô thị Mộc Châu (diện tích khoảng 40 ha) phục vụ các

hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi của người dân và khách du lịch. Phát triển các hành lang cây xanh, kết hợp với bảo vệ nguồn nước, hình thành các hồ nước mới. Bảo vệ, duy trì và phục hồi đa dạng sinh học tại các khu vực thắng cảnh. Hình thành liên kết mạng lưới cây xanh và mặt nước trong toàn bộ không gian Khu du lịch.

9. Định hướng quy hoạch giao thông

9.1. Đường bộ

a) Đường bộ

- Giao thông đối ngoại:

+ Xây dựng tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, quy mô 4 làn xe.

+ Tuyến QL.6: Nâng cấp, cải tạo đạt tiêu chuẩn đường cấp III với quy mô 2 - 6 làn xe.

+ Tuyến QL.43: Nâng cấp, cải tạo đạt tiêu chuẩn đường cấp IV-III với quy mô 2 - 4 làn xe.

+ Tuyến QL.16: Nâng cấp, cải tạo đạt tiêu chuẩn đường cấp IV với quy mô 2 làn xe.

+ Xây dựng tuyến đường vành đai 1 (vành đai trung tâm), tuyến vành đai 2 (vành đai xanh), tập trung phát triển mạng lưới giao thông công cộng để đáp ứng khả năng lưu thông từ khu vực trung tâm ra các khu lân cận.

+ Nâng cấp các tuyến đường tỉnh 101, 101B, 101C, 102, 104 đạt tiêu chuẩn đường cấp V-III với quy mô 2 làn xe.

+ Nâng cấp các tuyến đường liên xã đạt tiêu chuẩn đường cấp V-IV với quy mô 2 làn xe.

- Giao thông đô thị: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện trạng đáp ứng tiêu chuẩn đô thị miền núi. Khuyến khích từng bước chuyển đổi phương thức giao thông cơ giới sang di chuyển bằng phương tiện công cộng. Nâng cấp kết hợp xây mới các tuyến đường liên khu vực với quy mô tối thiểu đường cấp V miền núi. Xây dựng các bến xe trung tâm, các bến xe khách tại các xã để đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch.

- Giao thông nông thôn: Phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn đảm bảo kết nối thuận lợi đến các khu du lịch, dịch vụ, trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn và các đầu mối giao thông cửa ngõ của Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.

- Tuyến cáp treo du lịch: Xây dựng tuyến cáp treo Đỉnh Pha Luông - Chiềng Sơn - Đỉnh Pa Phách.

b) Tổ chức giao thông khác mức

Đề xuất 05 nút giao liên thông khác mức của đường cao tốc đoạn Hòa Bình - Mộc Châu với các tuyến đường quan trọng của Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, trung bình khoảng cách các nút là 10km.

c) Đường thủy

Nâng cấp cảng Bản Giăng thành cảng chuyên dùng cấp III; cảng Sao Tua thành cảng chuyên dùng cấp IV; cảng Bến Lồi và cảng Song Khủa nâng cấp thành cảng hàng hóa cấp IV. Xây dựng các cảng mới tại xã Đoàn Kết là cảng hàng hóa cấp IV-III. Các bến cảng hành khách qua sông hiện có được nâng cấp cải tạo.

d) Đường hàng không

Đề xuất xây dựng sân bay Mộc Châu theo hướng là sân bay chuyên dùng, vị trí dự kiến tại xã Tân Yên, phục vụ mục tiêu phát triển du lịch, phù hợp với định hướng của Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và phù hợp với định hướng phát triển sân bay chuyên dùng theo Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay.

e) Định hướng giao thông công cộng

- Tổ chức hệ thống các bến xe, bãi đỗ xe trung chuyển phục vụ giao thông công cộng (Các bến xe chính, gồm: Bến xe Mộc Châu 1, bến xe Vân Hồ, bến xe Lóng Sập, bến xe Tô Múa, bến xe Tân Yên...), trên các trục tuyến xe công cộng bố trí các bãi đỗ xe trung chuyển.

- Các tuyến công cộng chính bố trí trên các tuyến, trục đường chính của Khu du lịch như QL.6, QL.43... các trục đường vành đai và các đường trục chính của đô thị.

- Phân cấp mạng lưới giao thông công cộng hiệu quả, phát triển các tuyến xe buýt chạy dọc theo trục giao thông chính đô thị, kết nối với các trung tâm đô thị và các điểm du lịch, các tuyến giao thông thứ cấp phục vụ cho toàn khu vực, các tuyến liên xã phục vụ cho các thôn bản.

g) Định hướng bến, bãi đỗ xe

- Nâng cấp bến xe Mộc Châu thành bến xe loại 2, xây dựng mới bến xe loại 1 gần nút giao IC7 của tuyến cao tốc Hoà Bình - Mộc Châu, nâng cấp, cải tạo bến xe Vân Hồ thành bến xe loại 5.

- Xây dựng mới các bến xe tại các xã và các khu, điểm du lịch trọng điểm, đạt loại 6, loại 5.

- Xây dựng mới trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu tại khu vực Tô Múa.

9.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng thêm 02 bến xe khách nằm trên đường QL.6 tiếp giáp hai phía Đông, Tây của đường vành đai 2 để thay thế cho các bến xe khách phía trong đường vành đai 2 sẽ được chuyển thành các bến xe công cộng sau năm 2030.

Cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tiếp tục xây dựng các dự án kết cấu hạ tầng giao

thông theo quy hoạch để tạo sự đồng bộ, liên thông với mạng lưới giao thông vận tải của Vùng trung du và miền núi Bắc bộ và cả nước, đáp ứng được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn. Đa dạng các loại hình vận tải và phương tiện vận tải nhằm thỏa mãn nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách với chất lượng ngày càng cao.

10. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Theo hồ sơ đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2045.

11. Đầu tư phát triển

11.1. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án đầu tư ngân sách, gồm:

+ Hoàn thiện các quy hoạch trong phạm vi Khu du lịch quốc gia Mộc Châu làm tiền đề cho thu hút đầu tư và triển khai xây dựng.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Tiếp tục đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - Sơn La; cải tạo, nâng cấp các quốc lộ, bến bãi đỗ xe... Trong đó, vốn ngân sách trung ương phát triển hệ thống cao tốc, quốc lộ, ngân sách địa phương phát triển đường tỉnh và công trình khác.

+ Phát triển đô thị, dân cư: Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và di dời dân cư khỏi các điểm sạt lở.

- Các dự án đầu tư ngoài ngân sách:

+ Phát triển kinh tế, tập trung vào nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến và khu công nghiệp Vân Hồ.

+ Hạ tầng du lịch, các khu, điểm du lịch mới, cơ sở vật chất ngành du lịch như sân bay, các sân golf, các khu du lịch nghỉ dưỡng, cộng đồng, tổ hợp vui chơi giải trí...

+ Hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu của dân cư, khách du lịch: Cấp điện, cấp nước, thoát nước thải, vệ sinh môi trường.

11.2. Phân kỳ thực hiện quy hoạch

- Giai đoạn đến năm 2030: Tập trung đầu tư hoàn thiện các quy hoạch, hệ thống hạ tầng khung và các dự án đô thị, dịch vụ, du lịch.

- Giai đoạn 2030 - 2045: Hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đầu tư phát triển kinh tế, phát triển du lịch theo các định hướng của Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mộc Châu./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 594/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 2 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 779/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2026, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương: 1.924.400 triệu đồng.
 - Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương: 1.012.300 triệu đồng.
 - Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 58.000 triệu đồng.
 - Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 850.000 triệu đồng.
 - Nguồn vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 4.100 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ

- a) Thực hiện phân bổ chi tiết: 708.610 triệu đồng.

- Đối ứng các dự án ODA: 4.500 triệu đồng.
 - Trả nợ gốc vốn vay: 9.700 triệu đồng.
 - Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP): 59.139 triệu đồng.
 - Bố trí vốn thực hiện các dự án: 635.271 triệu đồng.
- b) Phân bổ chi tiết sau: 1.215.790 triệu đồng *(thực hiện phân bổ các dự án khi đủ thủ tục; phân bổ cho ngân sách cấp xã, phường khi nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 được HĐND tỉnh phê duyệt và khi có nguồn thu nộp ngân sách).*

(có các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết:

- a) Giao kế hoạch cho các đơn vị thực hiện đối với các nhiệm vụ, dự án đã đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.
- b) Xây dựng phương án phân bổ chi tiết trình HĐND tỉnh xem xét quyết định đối với các nguồn vốn còn lại khi đủ điều kiện theo quy định.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

TỔNG HỢP CƠ CẤU BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số	Kế hoạch năm 2026				Ghi chú
			Nguồn bổ sung cân đối	Nguồn thu xổ số kiến thiết	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	
	TỔNG SỐ	1.924.400	1.012.300	58.000	850.000	4.100	
I	Phân bổ chi tiết	708.610	708.610				
1	Đối ứng các dự án ODA	4.500	4.500				Chi tiết tại biểu số 03
2	Trả nợ gốc vốn vay	9.700	9.700				Chi tiết tại biểu số 01
3	Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)	59.139	59.139				Chi tiết tại biểu số 01
4	Thực hiện dự án	635.271	635.271				
-	Dự án chuyển tiếp	635.271	635.271				Chi tiết tại biểu số 02a, 02b
II	Phân bổ chi tiết sau	1.215.790	303.690	58.000	850.000	4.100	

Biểu số 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH THAM GIA THỰC HIỆN TRẢ NỢ GỐC VỐN VAY VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
			Tổng số	TĐ: Nguồn bổ sung cân đối		
	TỔNG SỐ		343.928	343.928	68.839	
1	Trả nợ gốc vốn vay		48.233	48.233	9.700	
2	Tham gia thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)		295.695	295.695	59.139	
-	Trụ sở làm việc 9 tầng và 02 khối nhà 6 tầng thuộc khu trụ sở HĐND, UBND, UB MT TQVN tỉnh và một số sở ngành đoàn thể tỉnh Sơn La (thanh toán BLT)	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị	295.695	295.695	59.139	

Biểu số 02a
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH
THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú	
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số			TD: Nguồn bổ sung cân đối
				Tổng số	Tổng số						
	TỔNG SỐ			7.770.817	3.543.063	3.579.801	196.852	3.806.216	1.815.901	601.845	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP HOÀN THÀNH NĂM 2026			48.800	43.800	25.740	24.740	17.760	17.760	17.760	
I	Quy hoạch			12.800	12.800	1.000		11.500	11.500	11.500	
1	Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Tài chính	2599 22/10/2025	12.800	12.800	1.000		11.500	11.500	11.500	
II	Công trình công cộng tại các đô thị			36.000	31.000	24.740	24.740	6.260	6.260	6.260	
1	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch cho một số cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện Yên Châu tỉnh Sơn La (giai đoạn I)	UBND xã Yên Châu	1230 09/7/2023	36.000	31.000	24.740	24.740	6.260	6.260	6.260	
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP HOÀN THÀNH SAU NĂM 2026			7.722.017	3.499.263	3.554.061	172.112	3.788.456	1.798.141	584.085	
I	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản			59.159	52.689	15.372	8.902	41.978	41.978	20.989	
1	Dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất điểm tái định cư Tền Pá Hu, bản Ta Ma, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu	UBND xã Mường Khiêng	903 21/4/2025	29.000	29.000	4.000	4.000	25.000	25.000	12.500	

2	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sói, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	UBND xã Chiềng La	902 21/4/2025	16.800	10.330	6.470		10.330	10.330	5.165	
3	Bố trí ổn định dân cư bản Huổi Nà, xã Hua Trai, huyện Mường La.	UBND xã Chiềng Lao	1312 05/6/2025	13.359	13.359	4.902	4.902	6.648	6.648	3.324	
II	Cấp nước, thoát nước			40.000	40.000	10.000	10.000	30.000	30.000	15.000	
1	Cấp nước sinh hoạt cho các xã lân cận thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	131 16/01/2025	40.000	40.000	10.000	10.000	30.000	30.000	15.000	
III	Giao thông			7.031.172	2.814.888	3.496.829	143.210	3.156.652	1.241.434	396.096	
1	Tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông; UBND xã Vân Hồ, UBND phường Mộc Sơn	2232 25/10/2024; 1999 24/9/2024; 2776 25/12/2024	4.938.000	1.438.000	3.062.309		1.538.000	538.000	75.522	
2	Dự án Xây dựng tuyến đường Chiềng Sinh - Chiềng Ngâm (đoạn Km2 + 327 - Km7 + 527), thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	2180 18/10/2024	130.000	130.000	80.446	65.446	49.554	29.190	29.190	
3	Dự án hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu trắng đến tuyến 1A)	UBND phường Tô Hiệu	1414 21/8/2024	343.000	50.000	10.000	10.000	293.000	100.000	50.000	
4	Đường giao thông xã Chiềng Dong - Phiềng Cầm, huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1306 04/7/2024	134.900	90.068	44.832		90.068	90.068	45.034	
5	Đường giao thông liên xã bản Khùa - Suối Don, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Mát xã Lóng Sập	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2520 25/11/2023	71.280	47.200	24.080		47.200	47.200	23.600	

6	Đường giao thông từ bản Hua Chiến, xã Chiềng Muôn đến đập thủy điện Nậm Chiến, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Ban QLDA ĐT XD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1489 28/7/2024	150.750	122.750	28.000		122.750	122.750	61.375	
7	Đường GTNT từ xã Cà Nàng (bản Phát) xã Chiềng Khay (bản Mùn), huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA ĐT XD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2667 09/12/2023	183.242	29.152	103.452	39.000	79.790	79.790	39.895	
8	Dự án Xây dựng tuyến đường Lê Đức Thọ - Phiêng Khá - trường Đại học Tây Bắc	UBND Phường Tô Hiệu	2477 21/11/2024	135.000	135.000	564	564	134.436	34.436	11.480	
9	Dự án ĐT.107C (từ xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đến xã Nậm Sờ, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu)	UBND xã Mường Chiên	503 05/3/2025	245.000	72.718	15.200		229.800	100.000	30.000	
10	Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 120C (Yên Châu - Tạ Khoa)	UBND xã Yên Châu, UBND xã Tạ Khoa	562 13/3/2025	700.000	700.000	127.946	28.200	572.054	100.000	30.000	
IV	Công nghiệp, điện			168.000	168.000	28.560	10.000	139.440	126.000	42.000	
1	Dự án Di chuyển đường dây 110KV Mộc Châu - Mai Châu, Hoà Bình	Ban QLDA ĐT XD công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	89 13/01/2025	168.000	168.000	28.560	10.000	139.440	126.000	42.000	
V	Hoạt động cơ quan quản lý nhà nước			423.686	423.686	3.300		420.386	358.729	110.000	
1	Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh uỷ	Ban QLDA ĐT XD công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	2473 30/9/2025	423.686	423.686	3.300		420.386	358.729	110.000	

Biểu số 02b

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP CHUYỂN TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀO NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh	Tổng số	TD: Nguồn bổ sung cân đối		
	TỔNG SỐ			191.176	168.510	130.861	67.449	39.235	33.426	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP HOÀN THÀNH NĂM 2026			169.896	157.396	120.694	67.449	28.120	27.869	
I	Giao thông			58.706	58.706	29.452	1.866	10.532	10.282	
1	Tuyến đường từ ngã ba bản Bua Hìn đi bản Huổi Bua xã Mường Hung	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2768 26/9/2024	9.300	9.300			2.000	2.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường từ bản Chăm Pộng đến công chào bản Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2392 26/12/2024	18.106	18.106	16.363		1.519	1.519	
3	Nâng cấp đường Huổi Toi - Pa Hóc, xã Chiềng Hắc, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	848 19/11/2024	12.500	12.500	1.866	1.866	393	393	
4	Cầu tràn qua suối Nậm Tia khu Huổi Phô đi bản Huổi My, xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2189 16/12/2023	3.800	3.800	2.964		500	500	
5	Đường giao thông nội bản bản Chiềng Nưa, bản Mường An xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	119 12/02/2025	3.500	3.500	1.925		1.227	1.227	

6	Đường giao thông nội bản Tà Lặc (Đường, Đập tràn qua suối) xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	110 10/02/2025	1.500	1.500	834		609	609	609
7	Đường giao thông liên bản Lóng Khùa - Co Hó - Un xã Song Khùa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	357 26/3/2025	10.000	10.000	5.500		4.284	4.284	4.284
II	Công trình công cộng tại các đô thị	1		14.990	14.990	13.148	13.148	627	627	627
1	Dự án Nghĩa trang nhân dân xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp (gđ 1)	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2188 16/12/2023	14.990	14.990	13.148	13.148	627	627	627
III	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	2		19.800	7.300	14.606	6.738	4.050	4.050	4.050
1	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường TH & THCS Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	84 23/01/2024	12.500		7.868		3.880	3.880	3.880
2	Trường TH - THCS Tô Hiệu; Hạng mục: NLH 2 tầng 10 phòng	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	3804 24/11/2023	7.300	7.300	6.738	6.738	170	170	170
IV	Y tế, dân số và gia đình	1		6.000	6.000	5.180	4.000	820	820	820
1	Trạm y tế xã Gia Phù	Ban QLDA ĐTXD Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	2282 01/11/2024	6.000	6.000	5.180	4.000	820	820	820
V	Quốc phòng	1		1.400	1.400	700	-	700	700	700
1	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	712 14/6/2024	1.400	1.400	700		700	700	700
VI	Nông, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản	1		50.000	50.000	40.000	40.000	10.000	10.000	10.000

1	Kè chống sạt lở suối Tắc, huyện Phù Yên (giai đoạn 2)	UBND xã Phù Yên	414 12/3/2024	50.000	50.000	40.000	40.000	10.000	10.000	10.000	
VII	Công trình công cộng tại các đô thị	1		19.000	19.000	17.609	17.609	1.391	1.391	1.390	
1	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	UBND phường Mộc Châu	3294 15/12/2021	19.000	19.000	17.609	17.609	1.391	1.391	1.390	
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP HOÀN THÀNH SAU NĂM 2026			21.280	11.114	10.166	10.166	11.114	11.114	5.557	
I	Giao thông	1		21.280	11.114	10.166	10.166	11.114	11.114	5.557	
1	Công trình đường giao thông bán Hua Piêng đi trung tâm xã Nậm Pấm	UBND xã Mường La	2085 07/10/2024	21.280	11.114	10.166	10.166	11.114	11.114	5.557	

Biểu số 03
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ODA
(Kèm theo Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư										Kế hoạch vốn đã giao đến hết năm 2025	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
			Số Quyết định	TMDT													
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng		Trong đó:									
						Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Quy đổi ra tiền Việt		Trong đó: Vay lại							
								Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW								
	TỔNG SỐ			599.548	102.335	0	0	0	0	0	0	9.581	92.735	92.735	4.500		
I	Lĩnh vực khác			599.548	102.335	0	0	0	0	0	0	9.581	92.735	92.735	4.500		
1	Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Sơn La giai đoạn 2 (Great 2 Sơn La)	Sở Tài chính	2487 28/11/2022	250.821	14.500							4.581	9.900	9.900	1.500		
2	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	362 27/02/2024	348.727	87.835							5.000	82.835	82.835	3.000		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 595/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ; Nghị quyết kỳ họp thứ 10 của Quốc hội; Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 781/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1259/BC-KTNS ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

- | | |
|---|-------------------------------|
| 1. Thu ngân sách nhà nước: | 20.024.049 triệu đồng. |
| a) Thu ngân sách nhà nước nội địa: | 5.050.000 triệu đồng. |
| - Thu điều tiết ngân sách Trung ương: | 493.120 triệu đồng. |
| - Thu ngân sách địa phương được hưởng: | 4.556.880 triệu đồng. |
| b) Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (điều tiết NSTW): | 6.000 triệu đồng. |

c) Thu từ chuyển nguồn ngân sách năm trước:	90.378 triệu đồng.
d) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:	14.877.671 triệu đồng.
2. Chi ngân sách nhà nước:	19.529.029 triệu đồng.
a) Chi đầu tư xây dựng cơ bản:	1.012.300 triệu đồng.
b) Chi trả nợ lãi:	16.400 triệu đồng.
c) Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất:	977.500 triệu đồng.
- Chi đầu tư phát triển:	850.000 triệu đồng.
- Chi thường xuyên:	127.500 triệu đồng.
d) Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT:	58.000 triệu đồng.
đ) Chi thường xuyên:	16.842.296 triệu đồng.
e) Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính:	1.200 triệu đồng.
g) Dự phòng ngân sách:	389.916 triệu đồng.
h) Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương:	99.225 triệu đồng.
i) Chi thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu:	124.605 triệu đồng.
k) Chi nộp trả NSTW theo Kết luận KTNN:	3.487 triệu đồng.
3. Bội chi ngân sách địa phương:	4.100 triệu đồng.

(có các Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giải pháp thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

1. Thu ngân sách

a) Thu ngân sách đảm bảo theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế, Luật Phí và Lệ phí; chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính và các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán nhà nước đã chỉ ra trong báo cáo kiểm toán và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2024, đảm bảo sát thực tế phát sinh của nền kinh tế và phù hợp với dự báo, định hướng yếu tố tăng trưởng kinh tế của tỉnh năm 2026; biến động của thị trường, giá cả, các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu, các yếu tố thay đổi chính sách gắn với chống thất thu ngân sách, quản lý khai thác có hiệu quả trong điều kiện phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, thu số thuế nợ đọng từ các năm trước.

b) Dự toán thu ngân sách nhà nước đảm bảo tích cực, vững chắc và sát với nguồn thu phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; thu triệt để các khoản thu mới phát sinh. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp và người dân theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; tập trung cao cho công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch, đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu từ đất ổn định và bền vững.

2. Chi ngân sách

a) Đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành, các Nghị quyết, Quyết định của Thủ tướng, Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư, ngân sách nhà nước, các tiêu chuẩn định mức đã được cấp có thẩm quyền ban hành và đang triển khai thực hiện tại thời điểm trình dự toán; kết quả đánh giá thực hiện ngân sách nhà nước năm 2025 và khung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 được Trung ương giao, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, tăng cường công tác phòng, chống lãng phí.

b) Phân bổ nguồn vốn đầu tư công, bố trí dự toán đầu tư phát triển khác ngoài đầu tư công thực hiện theo các quy định, định mức, tiêu chí phân bổ hiện hành; đảm bảo chi trả đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ trả lãi, nợ gốc các khoản vay nợ chính quyền địa phương theo cam kết; việc phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư phải tuân thủ theo trật tự ưu tiên nguồn vốn, trong đó ưu tiên các dự án công trình chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong năm 2026, các dự án trọng điểm về kết cấu hạ tầng, cao tốc... Thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách các cấp, thực hiện bố trí cho công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, thống kê, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bố trí dự toán chi thường xuyên, đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức đã được HĐND tỉnh quyết định cho năm ngân sách 2026; ưu tiên bố trí kinh phí cho sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng và đối ngoại theo các nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách tiền lương và chế độ tiền thưởng, lương hưu, trợ cấp, ưu đãi người có công, chính sách an sinh xã hội và các chế độ chính sách của địa phương đã ban hành đến hết năm 2025; kinh phí cho công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 và các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trong năm 2026; chi thường xuyên còn lại bố trí cho các nhiệm vụ trên cơ sở chế độ, tiêu chuẩn hiện hành về chi ngân sách nhà nước, quản lý sử dụng tài sản công và mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập; bố trí nhiệm vụ sửa chữa cấp bách cho các sở, ban, ngành, các trường học, bệnh viện, trạm y tế...

d) Thực hiện đủ kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo chỉ tiêu của Chính phủ giao (*bao gồm cả dự toán theo chỉ tiêu pháp lệnh và dự toán tăng thu ngân sách*); phân bổ tăng thu ngân sách nhà nước các cấp theo đúng chỉ đạo của Bộ Tài chính đảm bảo bố trí 70% tăng thu để thực hiện cải cách tiền lương; bố trí dự phòng ngân sách, dự trữ tài chính không thấp hơn dự toán Trung ương giao.

đ) Đối với một số khoản chi chưa phân bổ chi tiết: UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ chi tiết phù hợp với nội dung, lĩnh vực chi ngân sách; báo cáo, xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi quyết định phân bổ, giao dự toán chi và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 7 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Biểu mẫu số 15, Nghị định số 31

Phụ lục số 01

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước TH năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	21.219.967	30.399.729	19.524.929	(10.874.800)	64%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	4.192.190	4.692.190	4.556.880	(135.310)	97%
1	Thu NSDP được hưởng 100%	2.525.559	2.826.781	1.865.080	(961.701)	66%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.666.631	1.865.409	2.691.800	826.391	144%
II	Thu bổ sung từ NSTW	16.809.777	20.778.973	14.877.671	(5.901.302)	72%
1	Thu bổ sung cân đối	9.623.816	9.623.816	9.912.516	288.700	103%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.185.961	11.155.157	4.965.155	(6.190.002)	45%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
IV	Thu kết dư	-	61.076	-	(61.076)	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	218.000	4.722.490	90.378	(4.632.112)	1,9%
VI	Thu viện trợ, ủng hộ, đóng góp	-	145.000	-	(145.000)	-
B	TỔNG CHI NSDP	21.218.367	23.149.925	19.529.029	(1.689.338)	92%
I	Tổng chi cân đối NSDP	18.464.425	19.406.334	19.400.937	936.512	105%
1	Chi đầu tư phát triển	2.016.430	1.764.908	1.924.400	(92.030)	95%
2	Chi thường xuyên từ nguồn thu tiền sử dụng đất			127.500		
3	Chi thường xuyên	15.898.538	17.624.026	16.842.296	943.758	106%
4	Chi trả nợ lãi	6.200	6.200	16.400	10.200	265%
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	11.200	1.200	-	100%
6	Dự phòng ngân sách	371.957	-	389.916	17.959	105%
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	170.100	-	99.225	(70.875)	58%
II	Chi thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu	2.753.942	3.683.678	124.605	(2.629.337)	5%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	933.026	1.678.982	-	(933.026)	
a	CTMT giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn	722.316	1.172.948	-	(722.316)	

b	CTMTQG giảm nghèo bền vững	61.334	356.658	-	(61.334)	
c	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	149.376	149.376	-	(149.376)	
2	Vốn đầu tư thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ	1.790.394	1.975.674	124.200	(1.666.194)	7%
-	Vốn ngoài nước	60.000	50.000		(60.000)	0%
-	Vốn trong nước	1.730.394	1.925.674	124.200	(1.606.194)	7%
3	Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ	30.522	29.022	405	(30.117)	1%
-	Vốn nước ngoài	5.842	5.842	405	(5.437)	7%
-	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.500	-	-		
-	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	23.180	23.180	-	(23.180)	
III	Chi nộp trả NSTW	-	59.913	3.487	3.487	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	1.600	1.600	4.100	2.500	256%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	9.600	-	9.700	100	
1	Từ nguồn bổ sung cân đối NSDP	8.000		9.700	1.700	
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	1.600		-	(1.600)	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	8.000	4.233	9.700	1.700	121%
1	Vay để bù đắp bội chi				-	
2	Vay để trả nợ gốc	8.000	4.233	9.700		

Biểu mẫu số 16, Nghị định số 31

Phụ lục số 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu ngân sách nhà nước	5.215.000	4.692.190	5.056.000	4.556.880	96,95	97,12
I	Thu nội địa	5.200.000	4.692.190	5.050.000	4.556.880	97,12	97,12
1	Thu từ khu vực DNNN trung ương	1.684.097	1.521.403	1.589.000	1.589.000	94,35	104,44
	- Thuế giá trị gia tăng	588.000	588.000	581.000	581.000	98,81	98,81
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.100	2.100	2.100	2.100	100,00	100,00
	- Thuế tài nguyên	1.093.997	931.303	1.005.900	1.005.900	91,95	108,01
2	Thu từ khu vực DNNN địa phương	98.836	98.836	58.000	58.000	58,68	58,68
	- Thuế giá trị gia tăng	30.000	30.000	21.500	21.500	71,67	71,67
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.000	14.000	10.500	10.500	75,00	75,00
	- Thuế tài nguyên	54.836	54.836	26.000	26.000	47,41	47,41
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	5.256	5.256	2.000	2.000	38,05	38,05
	- Thuế giá trị gia tăng	4.506	4.506	1.500	1.500	33,29	33,29
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	750	750	500	500	66,67	66,67
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.135.259	1.100.153	1.150.000	1.150.000	101,30	104,53
	- Thuế giá trị gia tăng	653.000	653.000	653.000	653.000	100,00	100,00
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	200	200	200	200	100,00	100,00
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	131.000	131.000	131.000	131.000	100,00	100,00
	- Thuế tài nguyên	351.059	315.953	365.800	365.800	104,20	115,78
5	Thuế thu nhập cá nhân	234.158	234.158	170.000	170.000	72,60	72,60
6	Thuế bảo vệ môi trường	170.590	92.000	175.000	105.000	102,59	114,13
7	Lệ phí trước bạ	207.776	207.776	173.000	173.000	83,26	83,26
8	Thu phí, lệ phí	65.124	43.380	53.000	38.000	81,38	87,60
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.234	2.234	2.000	2.000	89,53	89,53
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	60.959	51.815	100.000	85.000	164,04	164,04
12	Thu tiền sử dụng đất	1.140.000	1.140.000	1.150.000	977.500	100,88	85,75

13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc SHNN						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	62.015	62.015	58.000	58.000	93,53	93,53
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	198.361	68.811	200.000	69.380	100,83	100,83
16	Thu khác ngân sách	130.135	59.152	165.000	75.000	126,79	126,79
17	Thu từ quỹ đất công ích, HLCS khác	2.100	2.100	3.000	3.000	142,86	142,86
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức	3.100	3.100	2.000	2.000	64,52	64,52
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	15.000	-	6.000	-	40,00	-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	14.000		5.900		42,14	
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu	1.000		100	-	10,00	-
IV	Thu viện trợ						

Biểu mẫu số 17, Nghị định số 31

Phụ lục số 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
	Tổng chi NSDP	21.218.367	19.529.029	(1.689.338)	92,0
A	Chi cân đối NSDP	18.464.425	19.400.937	936.512	105,1
I	Chi đầu tư phát triển	2.016.430	1.924.400	(92.030)	95,4
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.008.430	1.914.700	(93.730)	95,3
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực				
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	49.448	4.050	(45.398)	8,2
	- Chi khoa học và công nghệ		82.695		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
	- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	900.000	850.000	(50.000)	94,4
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	53.900	58.000	4.100	107,6
	- Ngân sách tỉnh chi đầu tư			-	-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi trả nợ vốn gốc vay địa phương vay lại	8.000	9.700	1.700	121,3
II	Chi thường xuyên	15.898.538	16.969.796	1.071.258	106,7
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.170.690	8.791.168	620.478	107,6
2	Chi khoa học và công nghệ	24.329	191.949	167.620	789,0
3	Chi thường xuyên từ nguồn thu tiền sử dụng đất		127.500		
III	Chi trả nợ lãi	6.200	16.400	10.200	264,5
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	-	100,0
V	Dự phòng ngân sách	371.957	389.916	17.959	104,8
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	170.100	99.225	(70.875)	58,3

B	Chi thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu	2.753.942	124.605	(2.629.337)	4,5
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	933.026	-	(933.026)	-
1	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN	722.316	-	(722.316)	
2	CTMTQG giảm nghèo bền vững	61.334	-	(61.334)	
3	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	149.376	-	(149.376)	
II	Vốn đầu tư thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ	1.790.394	124.200	(1.666.194)	6,9
-	Vốn ngoài nước	60.000	-	(60.000)	-
-	Vốn trong nước	1.730.394	124.200	(1.606.194)	7,2
III	Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ	30.522	405	(30.117)	1,3
-	Vốn nước ngoài	5.842	405	(5.437)	6,9
-	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.500	-		
-	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững	23.180	-	(23.180)	
C	Hoàn trả NSTW theo kết luận KTNN	-	3.487	3.487	-

Biểu mẫu số 18, Nghị định số 31

Phụ lục số 04

BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	ƯTH năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh
A	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	4.692.190	4.556.880	97,1
B	Chi cân đối NSDP	19.406.334	19.400.937	100,0
C	Bội chi/Bội thu NSDP	4.233	4.100	96,9
D	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP	938.438	3.645.504	388,5
E	Kế hoạch vay, trả nợ gốc			
I	Tổng dư nợ đầu năm	151.738	166.811	109,9
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>16,17</i>	<i>4,58</i>	<i>28,3</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	151.738	166.811	109,9
3	Vay trong nước khác			
II	Trả nợ gốc vay trong năm	8.792	9.700	110,3
1	Theo nguồn vốn vay	-	-	
	- Trái phiếu chính quyền địa phương			
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
	- Vốn khác			
2	Theo nguồn trả nợ	8.792	9.700	
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0,0
	- Bội thu NSDP	792		
	- Tăng thu, tiết kiệm chi			
	- Bổ sung cân đối NSDP	8.000	9.700	
III	Tổng mức vay trong năm	4.233	4.100	96,9
1	Theo mục đích vay	4.233	4.100	
	- Vay để bù đắp bội chi	4.233	4.100	
	- Vay để trả nợ gốc			
2	Theo nguồn vay	4.233	4.100	

	- Trái phiếu chính quyền địa phương			
	- Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	4.233	4.100	96,9
	- Vốn trong nước khác			
IV	Tổng dư nợ cuối năm	166.811	161.211	96,6
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>17,78</i>	<i>4,42</i>	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	147.179	161.211	
3	Vốn khác			
G	Trả nợ lãi, phí	1.479	16.400	1108,9

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com